



CTCP ĐT & PT CÔNG NGHIỆP  
**BẢO THƯ**



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

[www.bidico.com.vn](http://www.bidico.com.vn)

# NỘI DUNG

- 01 BIDICO 2016**
  - Giới thiệu công ty
  - Quá trình hình thành và phát triển
  - Thông điệp của Chủ Tịch HĐQT
  - Các hoạt động nổi bật 2016
  
- 02 TỔNG QUAN**
  - Tầm nhìn , sứ mệnh , giá trị cốt lõi
  - Lĩnh vực kinh doanh
  - Thông tin nhân sự chủ chốt
  - Địa bàn kinh doanh
  - Mô hình quản trị
  - Định hướng phát triển
  - Các rủi ro
  
- 03 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**
  - Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
  - Các sản phẩm tiêu biểu
  - Tổ chức và nhân sự
  - Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
  - Tình hình tài chính
  - Cơ cấu cổ đông và thay đổi VCSH
  - Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội
  
- 04 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**
  - Đánh giá của HĐQT về các mặt của Công ty
  - Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc
  - Các kế hoạch, định hướng của HĐQT
  
- 05 QUẢN TRỊ CÔNG TY**
  - Hội đồng quản trị
  - Ban kiểm soát
  - Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc
  
- 06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH**



## GIỚI THIỆU CHUNG

### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

<b>Mã chứng khoán</b>	:	<b>BII</b>
<b>Tên viết tắt</b>	:	<b>BIDICO</b>
<b>Trụ sở</b>	:	<b>Khu phố 11, P. Bình Tân, Tx. Lagi, Tỉnh Bình Thuận</b>
<b>Số điện thoại</b>	:	<b>062 387 0935 Fax: 062 387 1935</b>
<b>Vốn điều lệ</b>	:	<b>576.800.000.000 VND</b>
<b>Số đăng ký kinh doanh</b>	:	<b>3400555146</b>
<b>Website</b>	:	<b><a href="http://www.bidico.com.vn">www.bidico.com.vn</a></b>
<b>Email</b>	:	<b><a href="mailto:info@bidico.com.vn">info@bidico.com.vn</a></b>





# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2016

## ĐỊNH HÌNH NGÀNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG

- Nhà máy sản xuất gạch tuynel đi vào hoạt động, BIDICO định hướng phát triển ngành vật liệu xây dựng

2015

## CÁC CCN VÀ NHÀ MÁY ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG

- CCN Thăng Hải 2, CCN Tân Bình 1 đi vào hoạt động, sẵn sàng chào đón các nhà đầu tư
- Nhà máy chế biến cát đi vào hoạt động
- Đón nhận đầu tư nhà máy chế biến xỉ Titan tại CCN Thăng Hải 1

2014

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GDCK

- Năm 2014 BIDICO chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Mã CP: BII) mở ra giai đoạn hoạt động mới;
- Động thổ Cụm công nghiệp Tân Bình 1.

2013

## ĐỘNG THỔ CCN THĂNG HẢI 2

- Ngày 10-01-2014 BIDICO phối hợp cùng Công ty CP Công nghiệp khoáng sản Bình Thuận tổ chức lễ động thổ Cụm công nghiệp Thăng Hải 2 có diện tích 40ha nằm trong Cụm công nghiệp Thăng Hải - Cụm công nghiệp chế biến sâu titan tại xã thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận

2012

## KHAI THÁC CCN THĂNG HẢI 1

- Tích lũy tài sản tiềm năng, tập trung nguồn lực để đầu tư, phát triển dự án
- Đưa vào khai thác CCN Thăng Hải 1.
- Cấp phép đầu tư mỏ cát Tân Hà.

2008

-  
2011

## GIAI ĐOẠN HÌNH THÀNH

- Ngày 29/05/2008 : Thành lập công ty.
- Bảo toàn nguồn lực qua chu kỳ khủng hoảng kinh tế Việt Nam từ 2008.
- Phát triển CCN Thăng Hải 1 đầu tiên của cả nước về chế biến Titan. Đăng ký mỏ cát Tân Phước.
- Chủ động đón đầu xu thế chung của thế giới trong việc sử dụng vật liệu mới trong đó có Titan, cát, năng lượng xanh và các sản phẩm chế biến sâu tài nguyên thiên nhiên, từ năm 2009, BIDICO đầu tư Cụm CN Thăng Hải 1 để giải quyết bài toán về hạ tầng cho các nhà đầu tư trong việc muốn gia nhập ngành. Công ty cũng chuẩn bị nguồn lực dài hạn cho các CCN chuyên sâu như dự án mở rộng CCN Thăng Hải 2, CCN Tân Bình, đầu tư các mỏ cát và mở rộng sang lĩnh vực trồng rừng khai thác.



## THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

“Cuối năm 2016 thị trường bất động sản hồi phục mạnh mẽ, nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng tăng cao, trong khi nguồn cung ngày càng giảm. Việc các nhà máy sản xuất và chế biến VLXD như: cát, gạch Tuynel...của Công ty đi vào hoạt động, sản phẩm được thị trường công nhận là yếu tố quan trọng để BIDICO tự tin đầu tư phát triển giai đoạn tiếp theo của ngành Vật liệu xây dựng”



### Kính thưa Quý cổ đông !

Trải qua gần 10 năm hình thành và phát triển, BIDICO đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách. Với định hướng phát triển thành một tập đoàn đầu tư với 4 lĩnh vực cốt lõi:

- + Đầu tư phát triển bất động sản;
- + Đầu tư, sản xuất Vật liệu xây dựng;
- + Logistic;
- + Nông nghiệp;

Năm 2016, không nằm ngoài ảnh hưởng chung của ngành khai thác khoáng sản, BIDICO cũng bị tác động không nhỏ, dẫn đến kết quả không như kỳ vọng.

Cuối năm 2016 thị trường bất động sản hồi phục mạnh mẽ, nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng tăng cao, trong khi nguồn cung ngày càng giảm. Việc các nhà máy sản xuất và chế biến VLXD như: cát, gạch Tuynel...của Công ty đi vào hoạt động, sản phẩm được thị trường công nhận là yếu tố quan trọng để BIDICO tự tin đầu tư phát triển giai đoạn tiếp theo của ngành Vật liệu xây dựng.

Năm 2016 cũng là năm tiếp theo thực hiện chiến lược cấu trúc lại hệ thống BIDICO theo mô hình tập đoàn đầu tư, với nhiều đổi mới trong tư duy chiến lược, mạnh dạng thay đổi để tinh gọn bộ máy, kết hợp tư duy đổi mới với kinh nghiệm thực tiễn là những bước đi vững chắc trong sự nghiệp phát triển của BIDICO.

Thay mặt HĐQT, tôi xin chân thành cảm ơn đến toàn thể CBCNV BIDICO, chính sự nhiệt huyết, niềm tin của các bạn đã tạo động lực và thôi thúc tôi luôn suy nghĩ, hành động để đưa BIDICO lên một tầm cao mới. Cảm ơn quý cổ đông đã luôn ủng hộ và đồng hành cùng BIDICO trong thời gian qua.

**Chủ Tịch HĐQT**

**Nguyễn Văn Dũng**

# CÁC HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT 2016

## 01 NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH TUYNEL ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG

Trải qua hơn 1 năm chuẩn bị và xây dựng, tháng 10 năm 2016, Nhà máy Sản xuất gạch Tuynel BIDICO đã đi vào hoạt động, với công suất hơn 80 triệu viên/năm, nhà máy đi vào hoạt động đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng gạch xây dựng cho ngành BĐS tại Đồng Nai, BR-VT và TP.HCM.



## 03 NHẬN ĐƯỢC CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CCN TRỊ AN (ĐỒNG NAI)

Với ngành nghề kinh doanh cốt lõi là phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, năm 2016 BIDICO quyết tâm phát triển hạ tầng cụm công nghiệp sang tỉnh Đồng Nai. CCN Trị An được quy hoạch với quỹ đất trên 50ha tại huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai, chuyên phục vụ cho ngành sản xuất chế biến các sản phẩm từ gỗ, rừng trồng.



## 02 NHẬN ĐƯỢC CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CCN THẮNG HẢI 3

BIDICO đang là chủ đầu tư CCN Thăng Hải 1&2 với tổng diện tích hơn 90ha, việc được UBND tỉnh Bình Thuận chấp thuận chủ trương cho Công ty mở rộng quỹ đất để phát triển CCN Thăng Hải 3, với chiến lược phát triển xã Thăng Hải từ xã miền núi nghèo của huyện Hàm Tân trở thành xã Công nghiệp và luôn sẵn sàng chào đón các nhà đầu tư trong và ngoài nước.



## 04 BIDICO VÀ NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN KÝ KẾT HỢP TÁC TOÀN DIỆN

Ngày 29/04/2016, Tổng giám đốc BIDICO Ông Nguyễn Văn Hoàng và Giám đốc CN Gia Định – Ngân TMCP Sài Gòn Ông Ngô Việt Hoàng đã ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện, phía Ngân hàng cam kết tài trợ vốn cho các dự án của BIDICO.







## TỔNG QUAN

*Tầm nhìn , sứ mệnh , giá trị cốt lõi  
Lĩnh vực kinh doanh chính  
Thông tin nhân sự chủ chốt  
Địa bàn kinh doanh  
Mô hình quản trị  
Định hướng phát triển  
Các rủi ro*



BIDICO hướng tới khẳng định vị thế của một công ty uy tín, vững mạnh trong lĩnh vực phát triển hạ tầng công nghiệp và vật liệu xây dựng. Dựa trên nền tảng những lợi thế cạnh tranh đặc thù địa phương, chuẩn mực về quản trị, BIDICO cung cấp cho khách hàng sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao, đáp ứng tiêu chuẩn tối ưu giá trị cho khách hàng.

## SỨ MỆNH

- **THAY ĐỔI** diện mạo mới cho ngành hạ tầng công nghiệp tại Bình Thuận;
- **THAY ĐỔI** truyền thống khai thác chế biến tài nguyên thiên nhiên, mang lại giá trị chế biến sâu tại Bình Thuận;
- **THAY ĐỔI** tình hình kinh tế, xã hội tại địa phương BIDICO hoạt động;
- **THAY ĐỔI** tác phong, tư duy đổi mới của cấp lãnh đạo;
- **THAY ĐỔI** tăng cao giá trị cho cổ đông và nhà đầu tư.





# LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

BIDICO HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN CÔNG NGHIỆP VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG TẠI TỈNH BÌNH THUẬN TỪ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN CÔNG NGHIỆP, SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐẾN DỊCH VỤ CẢNG, VẬN TẢI HÀNG HOÁ, TRỒNG RỪNG VÀ CHẾ BIẾN GỖ.



# GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2016, cơ cấu thành viên HĐQT có một số thay đổi. HĐQT đã phê duyệt đơn từ nhiệm của ông Phạm Ngọc An. Tiếp đó, với định hướng bổ sung thêm những thành viên HĐQT có chuyên môn và am hiểu về tình hình của công ty, HĐQT đã phê duyệt bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Sơn vào vị trí Thành viên HĐQT của BIDICO từ ngày 01/01/2017



## NGUYỄN VĂN DŨNG

### Chủ tịch HĐQT

- Chủ tịch HĐQT, thành viên sáng lập.
- Sinh năm 1967
- Ông là một trong 3 thành viên sáng lập công ty.
- Với bề dày hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản và hơn 10 năm trong công tác quản trị điều hành.
- Sáng lập ra BIDICO năm 2008, trong suốt quá trình phát triển của BIDICO, ông là linh hồn, là người tập hợp lực lượng cũng như có tầm nhìn xa và luôn đưa ra những định hướng chiến lược quan trọng trong từng giai đoạn.
- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2016 : 6.157.900 cp, chiếm 11,74%



## NGUYỄN VĂN HOÀNG

Thành viên HĐQT kiêm TGD

- Sinh năm 1961
- Ông là thạc sĩ kinh tế, với kinh nghiệm quản lý tại các quỹ đầu tư quốc tế, ông là người nhạy bén với tình hình tài chính trong nước và thế giới.
- Ông là nhà quản trị xuất sắc của BIDICO. Ông am hiểu mô hình và đặc thù kinh doanh của BIDICO, luôn tiên phong trong việc hiện đại hoá hệ thống quản trị và có nhiều kinh nghiệm quản trị các dự án lớn, phức tạp, cần huy động nhiều nguồn lực khác nhau.

- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2016 : 150.000 cp, chiếm 0,26%



## NGUYỄN NGỌC SƠN

Thành viên HĐQT

- Sinh năm 1968
- Ông tốt nghiệp trường Đại học Mở Hà Nội
- Ông hiện là Trưởng ban Quản lý các CCN của Công ty, với bề dày kinh nghiệm trong công tác quản lý, khai thác hạ tầng công nghiệp, sau hơn 2 năm làm việc tại Công ty, ngày 01/01/2017 Ông được đề cử vào vị trí Thành viên HĐQT của Công ty.

- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2016 : 0 cp, chiếm 0,00%



## TRẦN TRƯỜNG VŨ

Thành viên HĐQT

- Sinh năm 1983
- Ông tốt nghiệp ngành kỹ sư công trình thủy lợi trường ĐH Thủy Lợi.
- Có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý và điều hành quản lý trong ngành xây dựng.
- Phụ trách khối Phòng QLDA, Cơ sở hạ tầng và Quản lý xây dựng.

- Ngoài ra Ông đang là Giám đốc Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO

- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2016 : 55.500 cp, chiếm 0,096%



## PHAN CHÂU

Thành viên HĐQT

- Sinh năm 1971
- Ông tốt nghiệp trường ĐH Kinh tế TP HCM chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Tham gia vào BIDICO từ những ngày đầu thành lập, ông có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của BIDICO, góp phần đưa BIDICO trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực bất động sản công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng tại tỉnh Bình Thuận.

- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2016 : 105.000 cp, chiếm 0,18%

## GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

## BAN KIỂM SOÁT



**Ông TĂNG KỲ ANH**  
Trưởng BKS

- Sinh năm 1985
- Ông là cử nhân Tài chính - Kế toán.
- Từ 08/2009 đến 01/2012: ông làm việc tại Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn.
- Từ 01/2012 đến 02/2013: ông là trợ lý Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Ngân hàng TMCP Kiên Long.
- Từ 02/2013 đến nay: Ông là Phó Giám Đốc Đầu Tư tại Ngân hàng TMCP Kiên Long.
- Từ ngày 14/05/2015 ông được bầu làm Trưởng Ban Kiểm Soát từ ngày 14/05/2015
- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2016 : 0 cp, chiếm 0,0%



**Ông LÊ VĂN THẬT**  
Thành viên BKS

- Sinh năm 1967
- Hiện tại ông đang là Kế toán trưởng của Công ty.
- Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán.
- 2005 – 2008: Giám đốc Công ty TNHH MTV XD TM Trường Đạt
- 2009-2012: Kế toán trưởng Công ty CP XD Nguyễn Hoàng
- 2013-06/2014: Kế toán trưởng Công ty CP Đông Á Châu Đức
- 08/2014 -31/12/2016: Phó GD Công ty TNHH Vận tải Thăng Hải
- 01/01/2017 – nay: Kế toán trưởng Công ty CP ĐT&PT Công nghiệp Bảo Thư
- Ông được ĐHCĐ bầu vào vị trí thành viên ban kiểm soát trong ĐHCĐ thường niên 2016.
- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2016 : 0 cp, chiếm 0,0%



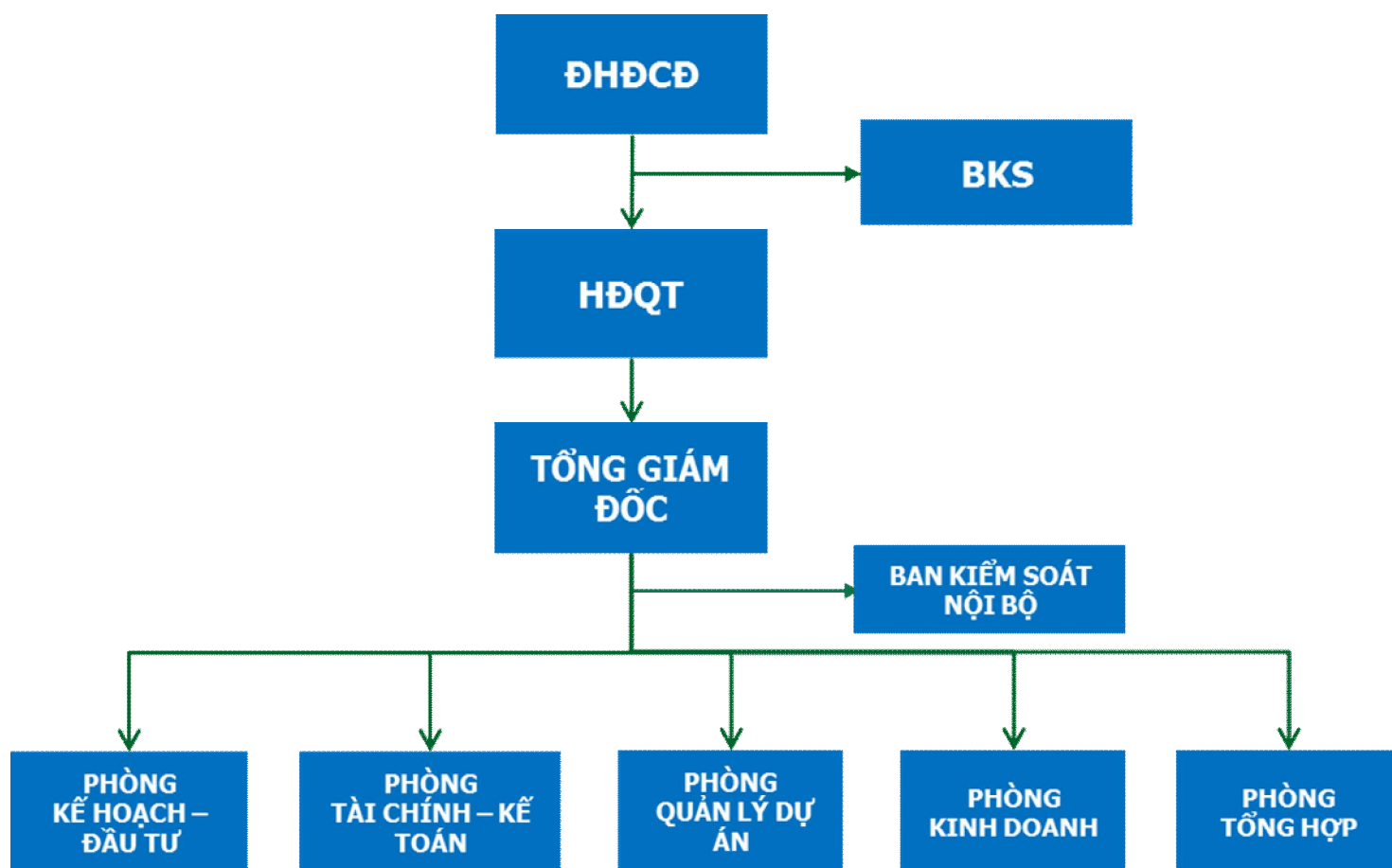
**Ông NGUYỄN VĂN PHÚ**  
Thành viên BKS

- Sinh năm 1969
- Ông là cử nhân Quản trị kinh doanh ĐH Kinh tế TP.HCM
- 1994-2013: Đội phó đội kê khai - kế toán thuế huyện Xuyên Mộc
- 2013-2014: Phó GD Công ty TNHH Mỹ Sơn
- 2014-2015 Phó GD CN BR-VT Viplife NLP
- 2016 – nay: Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận
- Sở hữu số cổ phần BII chốt ngày 31/12/2016 : 0 cp, chiếm 0,0%



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

*Kể từ lúc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, BIDICO đã gỡ bỏ hoàn toàn mô hình quản trị truyền thống sang mô hình quản trị hiện đại, chuyên nghiệp, đồng thời kế thừa và phát huy những điểm mạnh trước đây, đưa công ty bước sang một kỷ nguyên mới, đạt nhiều thành công nhất định.*



# CÔNG TY CON & CÔNG TY LIÊN KẾT



100%

Công ty TNHH MTV Chế Biến Cát Bình Thuận  
Vốn điều lệ: 99,7 tỷ  
Khai thác, sản xuất, thương mại cát trắng làm thủy tinh



100%

Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng BIDICO  
Vốn điều lệ: 51 tỷ  
Sản xuất, thương mại vật liệu xây dựng



100%

Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Gỗ Bình Thuận  
Vốn điều lệ: 42 tỷ  
Sản xuất chế biến gỗ từ rừng trồng



100%

Công ty TNHH MTV BĐS và Xây Dựng Bình Thuận  
Vốn điều lệ: 81 tỷ  
Đầu tư, phát triển hạ tầng cụm công nghiệp



51%

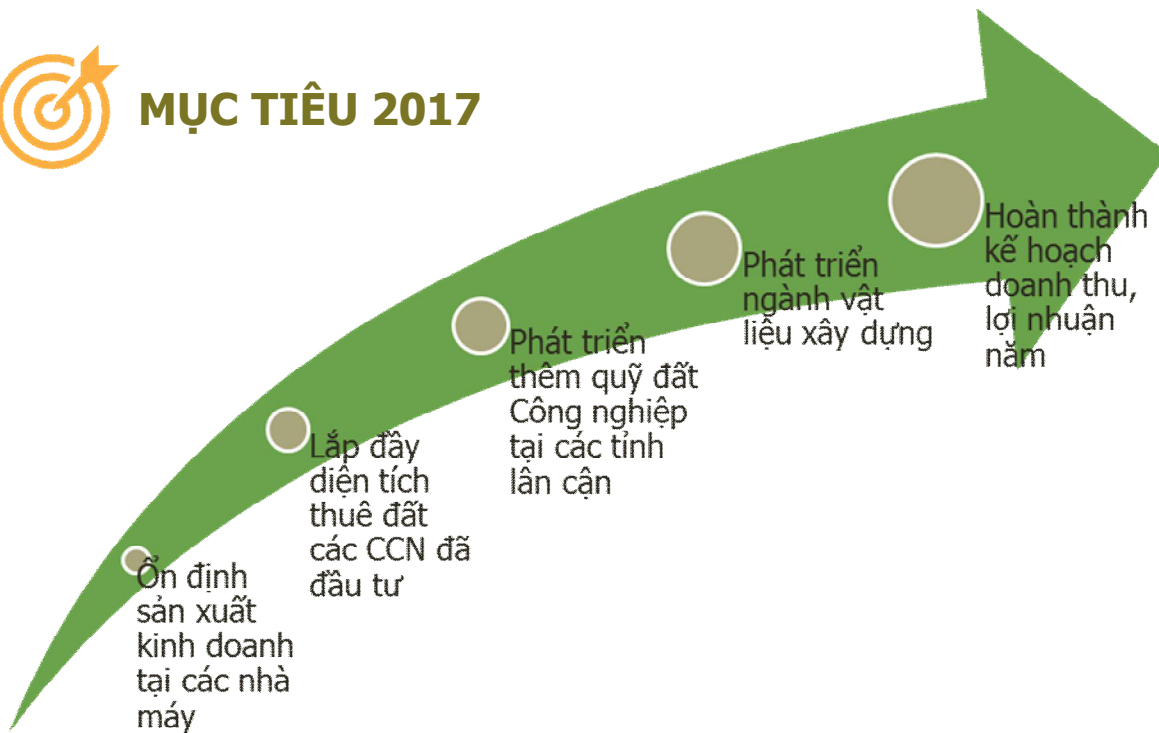
Công ty TNHH Vận Tải Thăng Hải  
Vốn điều lệ: 8 tỷ  
Vận tải hàng hóa, kho bãi

Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của BIDICO	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH MTV Pigment & Nano Titan Bình Thuận	50 tỷ	100%	Khai thác, chế biến titan
Công ty TNHH MTV Trồng trọt Công nghệ Đồng Nai	30 tỷ	100%	Nông nghiệp
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Bình Thuận	25 tỷ	100%	Chế biến thủy hải sản tươi khô các loại
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng WIBAWA Bảo Thư		52%	Xây dựng, dịch vụ
Công ty TNHH Địa Ốc Tân Bửu	256 tỷ	94,34%	Bất động sản, dịch vụ
Công ty TNHH Kỹ nghệ gỗ Lam Sơn	36 tỷ	51%	Sản xuất, chế biến gỗ
Công ty TNHH ĐT Bảo Thư Gò Dầu	30,3 tỷ	99,171%	Bất động sản, kho bãi
Công ty TNHH Nông Sản Việt Xanh		52%	Thương mại nông sản
Công ty TNHH Titan Bình Thuận	393,9 tỷ	28%	Khai thác, sản xuất khoáng sản

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

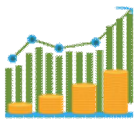


## MỤC TIÊU 2017



## CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

- ✓ Hướng đến mô hình tập đoàn đầu tư
- ✓ Số 1 về ngành sản xuất và chế biến cát trắng tại Việt Nam
- ✓ Dẫn đầu trong ngành cung cấp hạ tầng công nghiệp tại Bình Thuận
- ✓ Xây dựng nguồn lực tài chính vững mạnh



## MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- ✓ Tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận
- ✓ Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao
- ✓ Tham gia và đóng góp tích cực cho các hoạt động vì cộng đồng
- ✓ Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng



# QUẢN TRỊ RỦI RO

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, BIDICO luôn ý thức quản trị rủi ro tốt là nền tảng quan trọng để một doanh nghiệp có thể hoạt động kinh doanh ổn định, hiệu quả và phát triển bền vững. Chính sách quản trị rủi ro của Công ty luôn được thực hiện thống nhất từ cấp quản lý cao nhất là Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc tới các phòng ban. Kết hợp với đó là việc ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại nhằm nâng cao chất lượng quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn hiện đại, tiên tiến.

## NHẬN DIỆN CÁC RỦI RO CỦA BIDICO

Bên cạnh các rủi ro mang tính chung nhất, khách quan mà bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng gặp phải trong quá trình hoạt động kinh doanh như: rủi ro kinh tế, rủi ro cạnh tranh, rủi ro lãi suất, rủi ro thiên tai... BIDICO còn phải đối mặt với các rủi ro mang tính đặc thù, riêng có do đặc điểm của ngành. Bao gồm:

### Rủi ro từ hoạt động tài chính

Với việc đầu tư hoạt động trong nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau, các nguồn lực chia đều, dàn trải khiến BIDICO phải đối mặt với nhiều khó khăn trong quản trị tài chính, kế hoạch dòng tiền, phân bổ nguồn vốn vào các dự án sao cho phù hợp với từng thời điểm, từng thời kỳ để tận dụng tối ưu nhất về nguồn lực tài chính, đảm bảo khả năng thanh toán, khả năng trả lãi vay.

### Rủi ro từ hoạt động đầu tư dự án

Với bề dày kinh nghiệm trong việc quản lý các dự án lớn nhưng để đảm bảo an toàn, BIDICO luôn chú trọng công tác phân tích tiền khả thi dự án, phân tích thị trường, lựa chọn đúng thời điểm đầu tư và đặc biệt là công tác quản lý điều hành dự án để hạn chế những rủi ro chủ quan và khách quan.

### Rủi ro từ nguồn nhân lực

Rủi ro về nguồn nhân lực có số lượng và chất lượng không bắt kịp nhu cầu tăng trưởng của BIDICO

### Rủi ro pháp lý

Hoạt động trong lĩnh vực hạ tầng cơ sở, khai thác chế biến cát... nên hầu như mọi hoạt động đầu tư đều liên quan đến pháp lý. Với cơ chế thủ tục hành chính chưa đồng bộ, còn nhiều bất cập, đòi hỏi BIDICO phải luôn chủ động, linh hoạt để thích ứng, theo dõi sát sao những cải cách, những chính sách mới để nâng cao năng lực cạnh tranh, tiết kiệm thời gian và chi phí.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



*Bối cảnh kinh tế 2016*  
*Tình hình hoạt động kinh doanh*  
*Tình hình tài chính*  
*Tổ chức và nhân sự*  
*Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án*  
*Trách nhiệm về môi trường và xã hội*



# TỔNG QUAN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

## BỐI CẢNH KINH TẾ VĨ MÔ 2016

Trong bối cảnh phức tạp của môi trường kinh tế toàn cầu, kinh tế Việt Nam tiếp tục bộc lộ những dấu hiệu cho thấy tình dễ bị tổn thương trước các cú sốc. Tăng trưởng suy giảm trong nửa đầu năm 2016 vì sự cố môi trường biển miền Trung và hạn hán tại miền Nam và Tây Nguyên. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam năm 2016 vẫn có những điểm sáng trong điều hành chính sách, cải cách hành chính mạnh mẽ, kiểm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Những yếu tố này sẽ làm nền tảng cho sự phục hồi của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2017.

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hai mảng kinh doanh chính của BIDICO trong năm 2016 là kinh doanh cát trắng đã qua chế biến và hoạt động cho thuê hạ tầng Cụm Công nghiệp.

Chỉ tiêu	2015	2016	%tăng
Doanh thu thuần	102,7 tỷ	140,4 tỷ	36,7 %
LNST	10,8 tỷ	6,4 tỷ	- 40,7 %

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 không thuận lợi so với năm 2015 mặc dù Ban Giám đốc công ty đã nỗ lực hết mình. Một số nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh như sau:

- Hoạt động cho thuê đất tại các CCN đã có dấu hiệu chững lại do ảnh hưởng bởi môi trường đầu tư toàn cầu.
- Việc chậm đưa nhà máy chế biến gỗ vào hoạt động là nguyên nhân chính dẫn đến doanh thu không đạt như kỳ vọng.

Mặc dù với những kết quả không thuận lợi trong năm 2016, nhưng Công ty vẫn đạt được những thành công bước đầu khi mà sản phẩm gạch tuynel BIDICO đã bắt đầu xâm nhập vào thị trường gạch, cung cấp sản phẩm chất lượng cho ngành xây dựng.

Doanh thu thuần  
**140,4 tỷ**

Tỷ lệ tăng Doanh thu thuần  
**36,7%**

Kế hoạch Doanh thu 2017  
**180 tỷ**

Kế hoạch LNST 2017  
**15 tỷ**



# CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

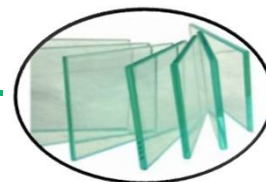
## CÁT TRẮNG SIBICO

Nguồn nguyên liệu cát trắng được khai thác tại mỏ cát trắng được Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp phép. Nguyên liệu cát trắng được tuyển rửa, tách các tạp chất và khoáng vật kim loại đồng thời phân loại cát theo kích thước hạt bằng hệ thống máy móc thiết bị hiện đại áp dụng công nghệ tiên tiến không gây ảnh hưởng đến môi trường và nguồn nước.



Thông số kỹ thuật	Chỉ tiêu
<b>- Cỡ hạt</b>	
+ Cát hạt nhỏ – THS01	<0,3 mm
+ Cát hạt vừa – THS02	0,3 – 0,6 mm
+ Cát hạt to – THS03	>0,6mm
<b>- Độ ẩm</b>	<5%
<b>- Hàm lượng SiO<sub>2</sub></b>	>99,5%

Sản xuất kính



Chai lọ thủy tinh



Khuôn đúc






Cung cấp cát trắng theo đơn hàng từ 100 đến 6.000 tấn, trong nước và xuất khẩu.

Giao hàng tại kho người mua tại các tỉnh Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Dương, TP.HCM.

Đặc biệt Công ty có Sản phẩm cát trắng đã sấy khô với độ ẩm <1%, được đóng bao 50Kg, hoặc bao Jumbo 1 tấn.

## GẠCH TUYNEL BIDICO

Gạch Tuynel BIDICO được sản xuất trên dây chuyền hiện đại, với công suất GD 1 hơn 80 triệu viên/năm, sản phẩm hiện tại đang được cung cấp cho các công trình xây dựng tại TP.HCM, Đồng Nai, Bình Thuận...

STT	Sản phẩm	Hình ảnh	Quy cách
1	Gạch ống 4 lỗ		80x80x180
2	Gạch đĩnh		40x80x180
3	Gạch demi		80x80x90

Hiện tại Gạch được tiêu thụ thông qua kênh phân phối là các đại lý VLXD tại các tỉnh lân cận, và chủ yếu là phân phối vào các công trình xây dựng lớn.

Chất lượng gạch ổn định do Công ty có nguồn cung cấp nguyên liệu từ mỏ đất sét gần nhà máy.

Kết quả phân tích gạch tại các Trung tâm phân tích cho ra kết quả đạt chuẩn an toàn xây dựng (Mức M75)

Do áp dụng công nghệ hiện đại, sản xuất với số lượng lớn nên giá thành tương đối rẻ hơn so với các nhà máy cùng khu vực.

Ngoài ra, Công ty cũng tuân thủ khắc khe các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường.









# CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CỦA/ THIS IS TO CERTIFY THE MANAGEMENT SYSTEM OF:  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIDICO**  
*BIDICO CONSTRUCTION MATERIAL ONE MEMBER CO.,LTD*

ĐỊA CHỈ/ ADDRESS:

Lô A2, Cụm công nghiệp Thăng Hải, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

*Lot A2, Thang Hai park, Thang Hai commune, Ham Tan district, Binh Thuan province, Vietnam*

ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA TIÊU CHUẨN/ HAS BEEN ASSESSED AND FOUND TO COMPLY WITH THE REQUIREMENTS OF:

## ISO 9001:2015

CHẠM PHẠM VỰC/ FOR SCOPE:

- Sản xuất và kinh doanh gạch tuynel./.  
*Production and sales of bricks./.*

VICAS số/ VICAS No.: 022-QMS  
Chứng chỉ số/ Certification No.: 160816.QMS.CN16  
Ngày cấp/ Issued date: 20/09/2016  
Ngày hết hạn/ Expired date: 19/09/2019



*Nguyễn Thanh Tùng*  
NGUYỄN THANH TÙNG  
GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

Chứng chỉ sẽ mất hiệu lực nếu hệ thống quản lý của khách hàng không vượt qua cuộc đánh giá giám sát hàng năm của ICB/ This certificate will be invalid if the customer's management system does not pass the surveillance of ICB.





**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 160816.PRO.CN16/QDCN-ICB

Hà Nội, ngày 20 tháng 09 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc chứng nhận sản phẩm hàng hóa**

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ**

- Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
- Căn cứ vào Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Căn cứ Quyết định số 1208/QĐ-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng về việc chỉ định Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc tế thực hiện việc thử nghiệm/chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, số hiệu QCVN 16:2014/BXD;
- Căn cứ vào Quy định về đánh giá sản phẩm của Công ty Cổ phần Chứng nhận Quốc tế (ICB);
- Căn cứ vào kết quả đánh giá và kiến nghị của phòng Chứng nhận của ICB.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1: Chứng nhận:**

a. Đơn vị:

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIDICO**

b. Địa chỉ:

Lô A2, Cụm công nghiệp Thăng Hải, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

c. Có sản phẩm hàng hóa sau đây phù hợp với yêu cầu của quy chuẩn QCVN 16:2014/BXD

STT	TÊN HÀNG HÓA	CHỈ TIÊU KỸ THUẬT	GHI CHÚ
1.	Gạch rỗng đất sét nung, 4 lỗ tròn Nhãn hiệu: BIDICO	Kích thước: (180x80x80)mm Mức gạch: M75	
2.	Gạch rỗng đất sét nung, 2 lỗ tròn Nhãn hiệu: BIDICO	Kích thước: (180x80x40)mm Mức gạch: M100	
3.	Gạch rỗng đất sét nung, 4 lỗ vuông Nhãn hiệu: BIDICO	Kích thước: (180x80x80)mm Mức gạch: M75	

d. Đánh giá theo phương thức 5 của Thông tư 28/2012/TT-BKHHCN ban hành ngày 12/12/2012.

**Điều 2:** Đơn vị được chứng nhận tại Điều 1 được phép sử dụng dấu hiệu chứng nhận hợp quy (CR) trên các sản phẩm và bao bì chứa sản phẩm được chứng nhận tại Mục c của Điều 1 trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực.





Điều 3: Đơn vị được chứng nhận tại Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các quy định đánh giá, chứng nhận của ICB cũng như của luật định.

Điều 4: Đơn vị được chứng nhận phải chịu sự đánh giá giám sát định kỳ tối đa 12 tháng một lần bởi ICB nếu không chứng chỉ chứng nhận sản phẩm đã cấp cho đơn vị sẽ mất hiệu lực ngay lập tức.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực trong vòng 01 năm kể từ ngày quyết định này được ký/.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CHỨNG NHẬN  
QUỐC TẾ  
NGUYỄN THANH TÙNG





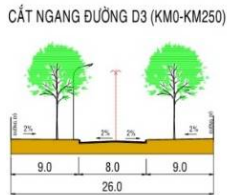
# CHO THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN CÔNG NGHIỆP

## CỤM CÔNG NGHIỆP THẮNG HẢI 1&2

Với quỹ đất hơn 90ha tại xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận Cụm Công nghiệp Thắng Hải được đưa vào khai thác để phục vụ cho nhu cầu phát triển công nghiệp tại địa bàn tỉnh Bình Thuận.



### QUI HOẠCH CỤM CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN THẮNG HẢI 1 (50HA) VÀ THẮNG HẢI 2 (40HA)



**BẢNG THỐNG KẾ DIỆN TÍCH ĐẤT SỬ DỤNG CCN THẮNG HẢI 1**

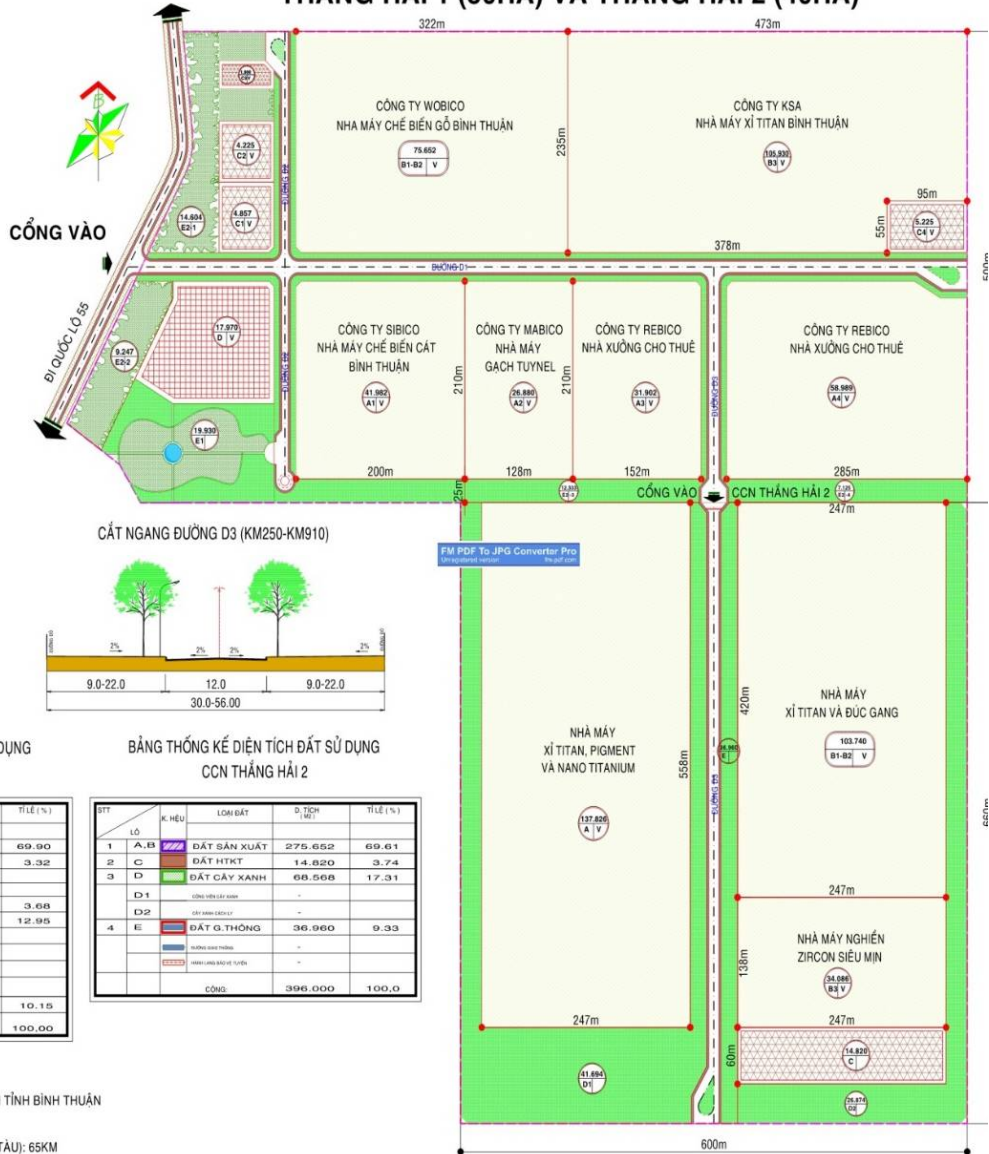
STT	LỚ	K. HẸU	LÒM ĐẤT	D. TÍCH (M <sup>2</sup> )	TỈ LỆ (%)
1	A, B	ĐẤT SẢN XUẤT		341.335	69.90
2	C	ĐẤT HTKT		16.207	3.32
			(1) ĐẤT SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP		
			(2) ĐẤT SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP		
3	D	ĐẤT HC - DVU		17.970	3.68
4	E	ĐẤT CÂY XANH		63.239	12.95
	E1		CÔNG VIÊN CẤP SAU	19.930	
	E2		CÁC KHU VỰC KHÁC	43.309	
			(ĐẤT SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP) (ĐẤT SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP) (ĐẤT SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP)		
5		ĐẤT G. THÔNG		49.586	10.15
CỘNG:				488.337	100.00

**BẢNG THỐNG KẾ DIỆN TÍCH ĐẤT SỬ DỤNG CCN THẮNG HẢI 2**

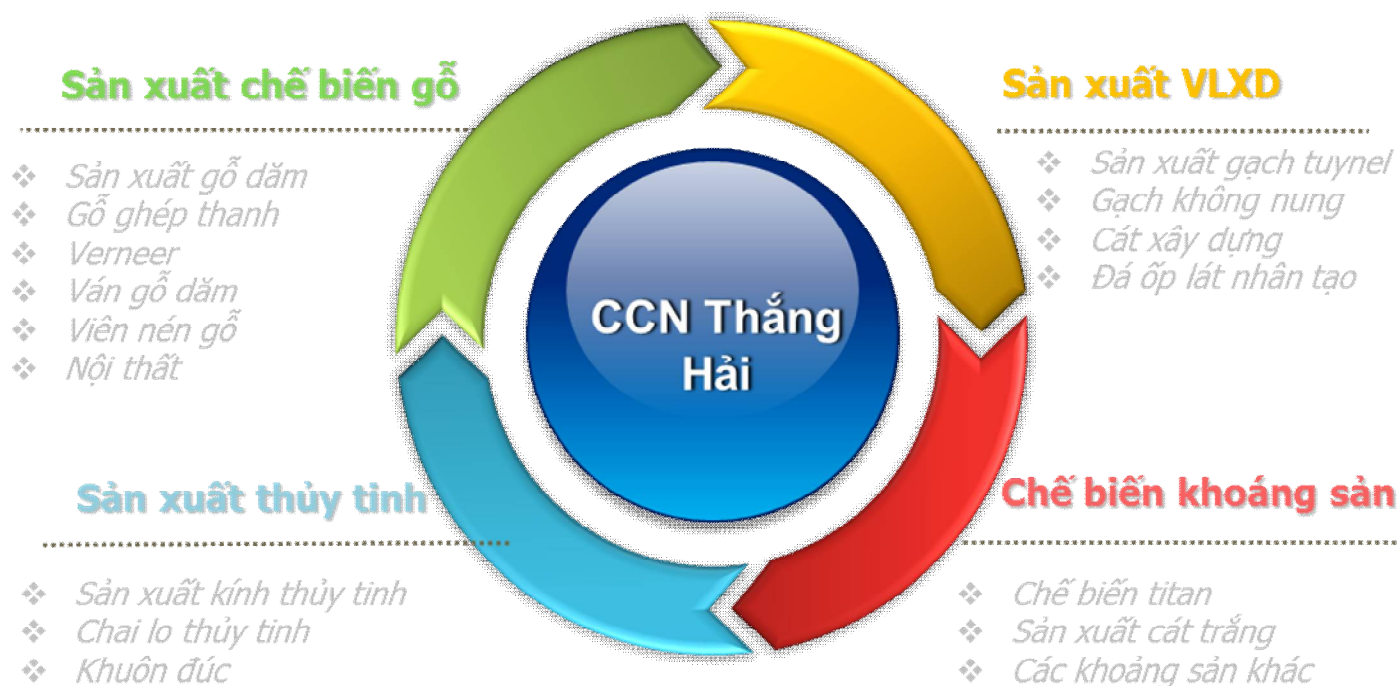
STT	LỚ	K. HẸU	LÒM ĐẤT	D. TÍCH (M <sup>2</sup> )	TỈ LỆ (%)
1	A, B	ĐẤT SẢN XUẤT		275.652	69.61
2	C	ĐẤT HTKT		14.620	3.74
3	D	ĐẤT CÂY XANH		68.568	17.31
	D1		CÔNG VIÊN CẤP SAU	-	
	D2		CÁC KHU VỰC KHÁC	-	
4	E	ĐẤT G. THÔNG		36.960	9.33
			(ĐẤT SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP) (ĐẤT SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP) (ĐẤT SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP)		
CỘNG:				396.000	100.0

**GHI CHÚ:**

- VỊ TRÍ ĐỊA LÝ: XÃ THẮNG HẢI HUYỆN HÀM TÂN TỈNH BÌNH THUẬN
- CÁCH QUỐC LỘ 55: 3KM
- CÁCH CẢNG CÁI MÈP- THỊ VÃI ( BÀ RI A VÙNG TÂY): 65KM
- CÁCH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: 150KM



## CÁC NGÀNH NGHỀ ĐANG THU HÚT ĐẦU TƯ



## CÁC DỰ ÁN ĐÃ THU HÚT ĐẦU TƯ TẠI CCN THĂNG HẢI 1

STT	Lô đất	Diện tích	Nhà máy	Chủ đầu tư
1	B1+B2	7,5 ha	Nhà máy chế biến gỗ Bình Thuận	Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận
2	B3	10,6 ha	Nhà máy chế biến Titan Bình Thuận	Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận
3	A1	4,2 ha	Nhà máy chế biến cát Bình Thuận	Công ty TNHH MTV Chế biến cát Bình Thuận
4	A2	2,7 ha	Nhà máy sản xuất gạch Tuynel BIDICO	Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO
5	A3	3,2 ha	Đang thu hút nhà đầu tư	
6	A4	5,9 ha	Nhà máy sản xuất đá thạch anh cao cấp	Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp BIDICO

## CỤM CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH 1

Bình Thuận là địa phương có truyền thống về đánh bắt hải sản lâu đời, các cơ sở chế biến các sản phẩm sau đánh bắt nằm rải rác trong địa bàn tỉnh. Trước nhu cầu phát triển của đô thị, việc di dời các cơ sở chế biến hải sản có mùi nằm rải rác trong các khu dân cư là rất cần thiết. Vì vậy việc lập quy hoạch Cụm công nghiệp chế biến hải sản có mùi nhằm giải quyết vấn đề trên, cũng như đáp ứng xu thế hiện đại hóa ngành, đảm bảo môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng.

Hiện tại BIDICO đang mở bán hoặc cho thuê các lô đất trong CCN Tân Bình 1 để nhà đầu tư thực hiện các dự án sản xuất ngành thủy hải sản.



## CÁC DỰ ÁN ĐÃ THU HÚT ĐẦU TƯ TẠI CCN TÂN BÌNH 1

STT	Lô đất	Diện tích	Nhà máy	Chủ đầu tư
1	CN V2	8100 m <sup>2</sup>	Nhà máy chế biến bột cá Minh Hiền	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Hiền
2	CN I4	8000 m <sup>2</sup>	Nhà máy chế biến Thủy sản Hạ Tiến	Doanh nghiệp tư nhân Hạ Tiến

- Các lô đất trong CCN Tân Bình được quy hoạch với diện tích khoảng 8000 m<sup>2</sup>/lô đất phù hợp với các nhà máy có công suất nhỏ, các chủ đầu tư có thể thuê nhiều lô để ghép thành thửa đất lớn.



## NGÀNH NGHỀ ĐANG THU HÚT ĐẦU TƯ

### CCN TÂN BÌNH

Chế biến thủy hải sản, sản xuất bột cá, nước mắm

Phân bón, thức ăn gia súc, sản xuất nước đá

Kho lạnh, kho bãi, ngư cụ

## LỢI THẾ CỦA CỤM CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH

- ▶ Giá thuê đất cạnh tranh, với từng lô đất diện tích phù hợp
- ▶ Giao thông thuận tiện
- ▶ Gần các hệ thống Cảng

- Xa khu dân cư, không ảnh hưởng nhiều đến môi trường
- Nguồn nước dồi dào, ổn định
- Xử lý nước thải theo QCVN 40



- Nguồn nhân lực dồi dào
- Được hỗ trợ các thủ tục pháp lý nhanh chóng và thuận lợi
- Chính sách thuế ưu đãi

- ▶ Nằm trong Vùng nguyên liệu phong phú, giá cả cạnh tranh, sản lượng lớn

GIAO THÔNG		
Trung tâm TP lớn	TP.HCM	167 Km
	TP.Phan Thiết	55 Km
	TP. Vũng Tàu	80 Km
Cảng biển	Cảng Cát Lái	141 Km
	Cảng Cái Mép	95 Km
	Cảng Phú Mỹ	96 Km
	Cảng Gò Dầu	100 Km
	Cảng Lagi	9 Km
Trục giao thông chính	Quốc lộ 55	6 Km
	Quốc lộ 1A	24 Km

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng năm 2016

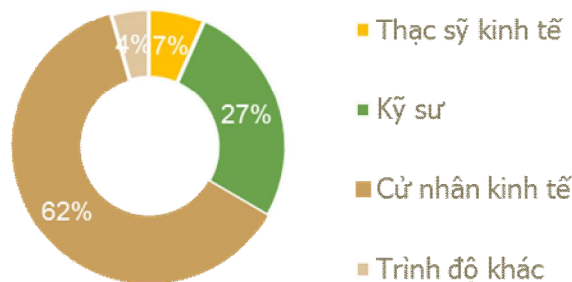
Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Tổng giám đốc	0,26%
Ông Trần Trường Vũ	Phó tổng giám đốc	0,09%
Ông Phạm Ngọc An	Phó tổng giám đốc	0,00%
Ông Trần Thanh Sơn	Kế toán trưởng	0,00%

### Các thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc

- Tháng 03/2016 Bổ nhiệm Ông Trần Thanh Sơn làm Kế toán trưởng thay Ông Lê Văn Thật
- Ngày 31/12/2016 Bãi nhiệm chức vụ Phó TGD đối với Ông Phạm Ngọc An và Ông Trần Trường Vũ
- Ngày 31/12/2016 Bãi nhiệm chức vụ Kế toán trưởng của ông Trần Thanh Sơn và bổ nhiệm Ông Lê Văn Thật làm kế toán trưởng từ ngày 01/01/2017

### Số lượng Cán bộ nhân viên và chính sách lao động

Tính đến cuối năm 2016, BIDICO hiện có khoảng 30 cán bộ nhân viên và hơn 150 công nhân đang làm việc tại các nhà máy.



BIDICO áp dụng chính sách đãi ngộ công bằng, thù lao, lương, thưởng đều phụ thuộc vào sự nỗ lực công hiến của nhân viên, BIDICO cũng hướng đến sự thịnh vượng, đầy đủ trong đời sống vật chất và tinh thần để nhân viên an tâm tập trung cống hiến vào sự nghiệp phát triển chung của công ty.

Hàng năm BIDICO thường tổ chức những chuyến dã ngoại, tham quan mục đích gây dựng tinh thần đoàn kết, giúp nhân viên thoải mái tinh thần, tạo thêm động lực làm việc. Thể hiện đúng bản chất văn hóa trong BIDICO.

# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN



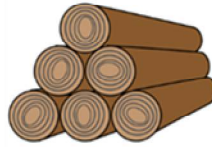


# NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ BÌNH THUẬN

- 🌳 **Chủ đầu tư** : Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận
- 🌳 **Địa điểm** : Cụm Công nghiệp Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận
- 🌳 **Diện tích** : 7,56 ha
- 🌳 **Tổng vốn đầu tư** : 200 tỷ
- 🌳 **Thời gian xây dựng** : T9/2015 – T9/2017
- 🌳 **Tiến độ hiện tại** : đang hoàn thành xây dựng các hạng mục cơ bản phần còn lại, phân xưởng sản xuất woodchip đã đi vào hoạt động.



# NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ BÌNH THUẬN



Rừng trồng

Khai thác gỗ

Nhà máy



## VERNEER

Công suất: 3 triệu m<sup>2</sup>/năm



## LUMBER

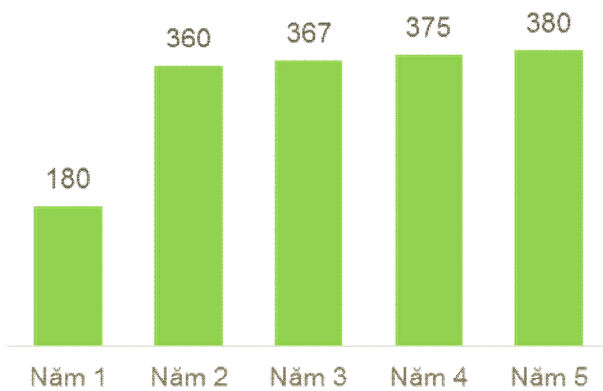
Công suất: 30.000 m<sup>3</sup>/năm



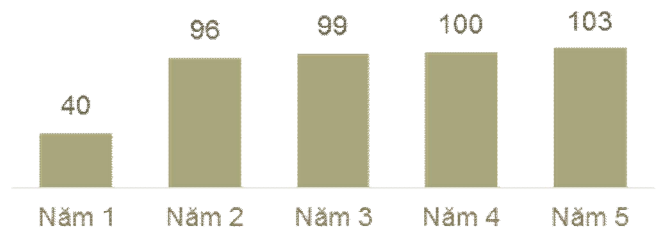
## WOODCHIP

Công suất: 50.000 tấn/năm

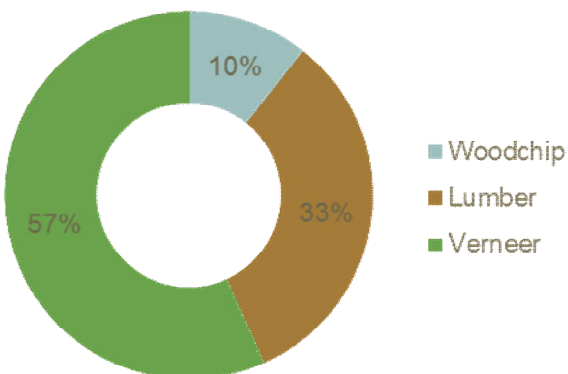
## Doanh thu dự kiến



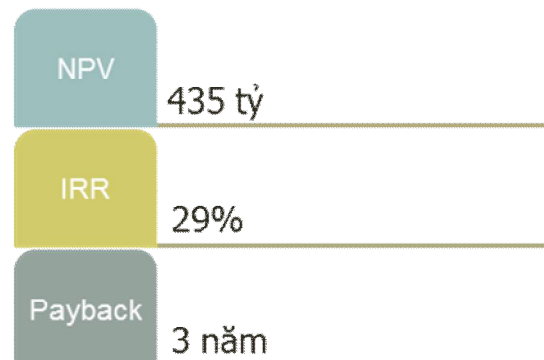
## Lợi nhuận sau thuế



## Cơ cấu lợi nhuận



## Khả thi dự án



## CẢNG LAGI

### TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN NGÀNH VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY TẠI BÌNH THUẬN

Bình Thuận nằm trên tuyến lưu thông hàng hóa xuyên Á nhưng vẫn chưa có cảng nào có khả năng đáp ứng được yêu cầu của mắt xích này.

Hàng hóa trong khu vực Tây Nguyên, Bình Thuận, Ninh Thuận... vẫn phải đi đường bộ tập hợp về cảng Sài Gòn và ngược lại, gây tốn kém nhiều chi phí, Cảng Lagi sẽ giúp rút ngắn lộ trình và thời gian vận tải.

Với nhiều lợi thế về tài nguyên thiên nhiên Bình Thuận hứa hẹn sẽ là trung tâm kinh tế hiện đại với quy mô công nghiệp cao, điều này sẽ dẫn đến nhu cầu xuất nhập, khẩu hàng hóa nguyên vật liệu sản xuất rất lớn.



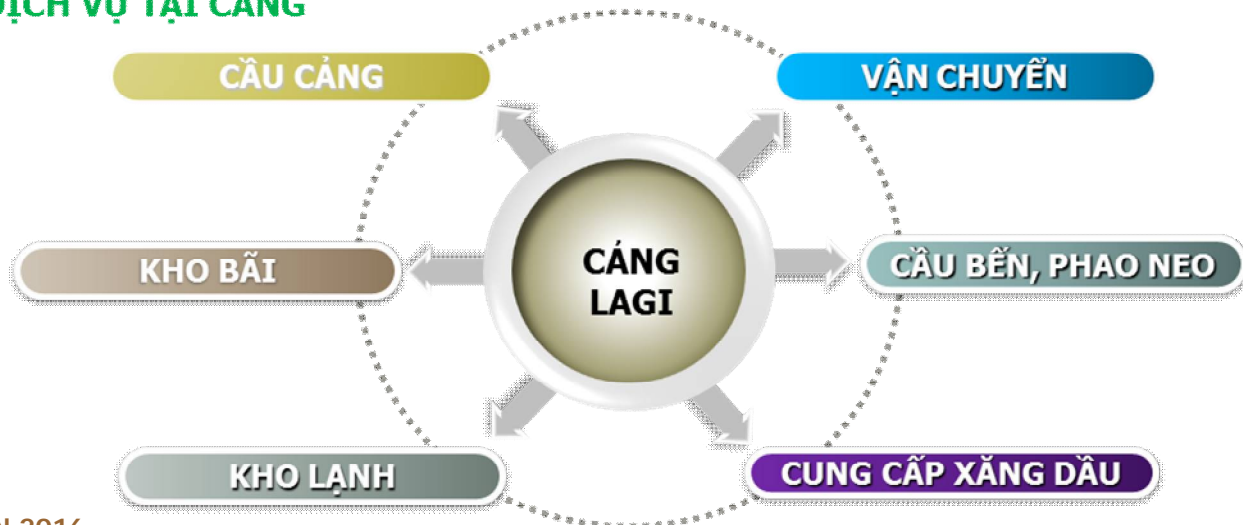
### THÔNG TIN CHUNG VỀ CẢNG LAGI

Cầu cảng phục vụ tàu bè, kho bãi phục vụ cho việc giao thương và xuất, nhập khẩu hàng hóa. Giải quyết bài toán lưu thông hàng hóa và phục vụ hơn 2.500 tàu thuyền đánh bắt hải sản trong khu vực.

- **Diện tích:** 13,5 ha
- **Địa điểm:** Cửa Sông Dinh, Tx Lagi, tỉnh Bình Thuận
- **Lưu lượng hàng :** 1.300 ngàn tấn/năm
- **Tiến độ đầu tư:** Đang hoàn tất các thủ tục pháp lý



### DỊCH VỤ TẠI CẢNG



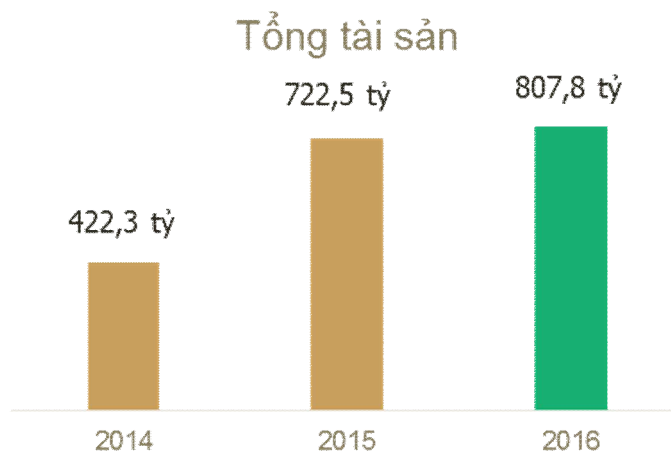
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài sản

Đến thời điểm ngày 31/12/2016, tổng tài sản được ghi nhận là 807,8 tỷ tăng 4,6 % so với năm 2015

Tỷ suất sinh lợi trên Tổng tài sản (ROA) là 1%

Các khoản nợ phải thu xấu trong kỳ là 5,6 tỷ tăng hơn 47% so với cùng kỳ chủ yếu là các khoản phải thu quá hạn trên 1 năm.

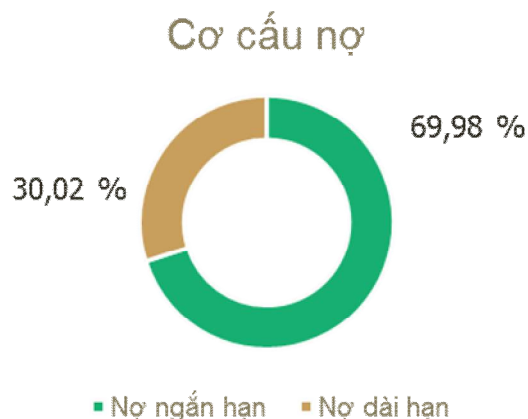
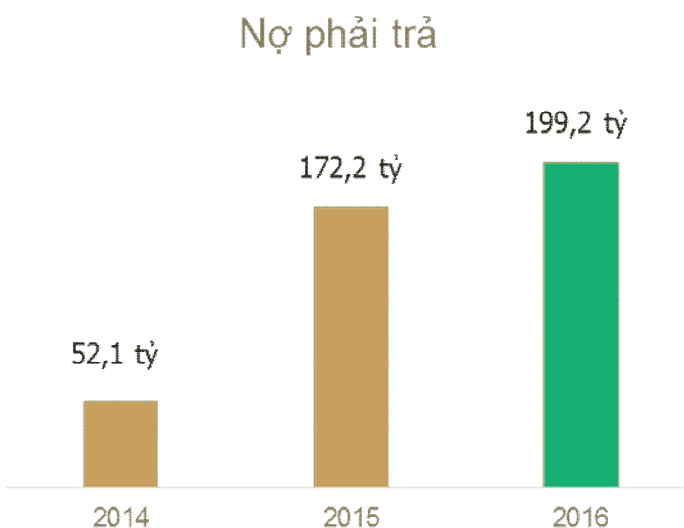


### Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm ngày 31/12/2016 Tổng các khoản nợ là 199,2 tỷ tăng 15,7% so với cùng kỳ. Trong đó nợ ngắn hạn là 139,96 tỷ chiếm 70%, chủ yếu đến từ việc phát sinh chi phí phải trả ngắn hạn và vay vốn lưu động cho các nhà máy.

Nợ dài hạn chủ yếu là đầu tư xây dựng các nhà máy và đoàn xe vận tải (60,03 tỷ).

Hệ số Nợ/VCSH ở mức thấp là 0,33 lần tuy cao hơn so với mức 0,29 lần năm 2015 nhưng so với tính chất của ngành hạ tầng công nghiệp thì đang ở mức thấp. Cho thấy được tim lực tài chính vững mạnh và khả năng huy động vốn để đầu tư các dự án.





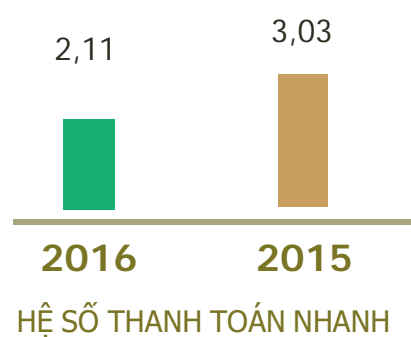
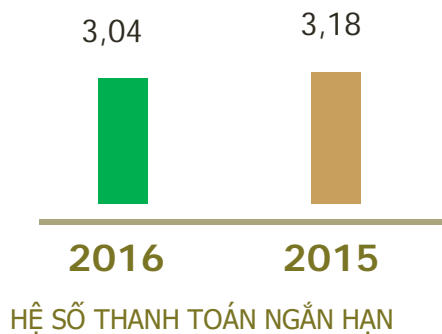
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài chính

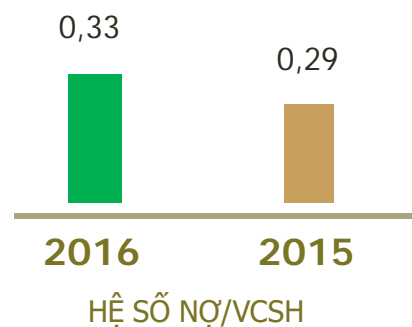
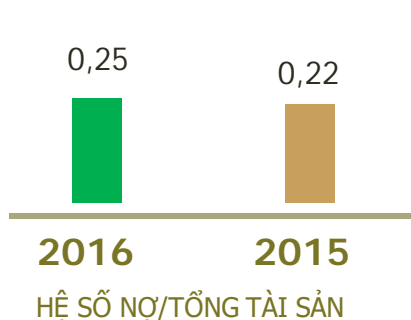
Chỉ tiêu	2015	2016	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	772,5 tỷ	807,8 tỷ	4,6 %
Doanh thu thuần	102,7 tỷ	104,3 tỷ	36,8 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	32,5 tỷ	-1,1 tỷ	-103,3 %
Lợi nhuận khác	-16,3 tỷ	7,6 tỷ	146,5 %
Lợi nhuận trước thuế	16,2 tỷ	6,5 tỷ	-60,0 %
Lợi nhuận sau thuế	10,8 tỷ	6,4 tỷ	-41,0 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

#### CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



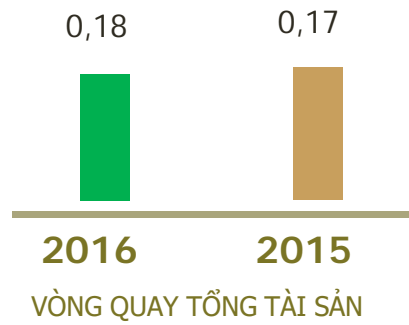
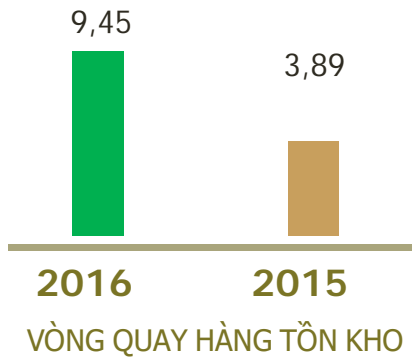
#### CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



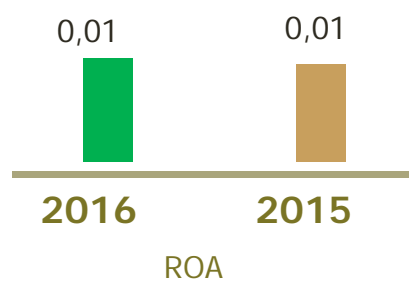
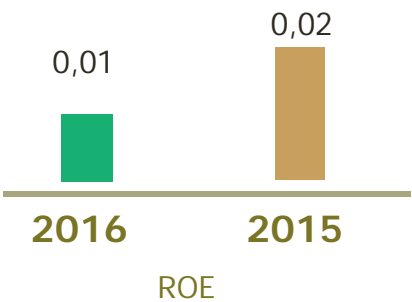
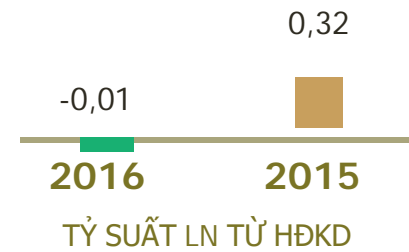
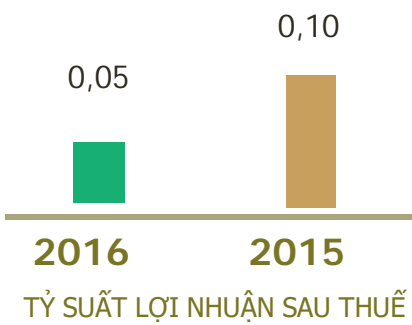
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

#### CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



#### CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

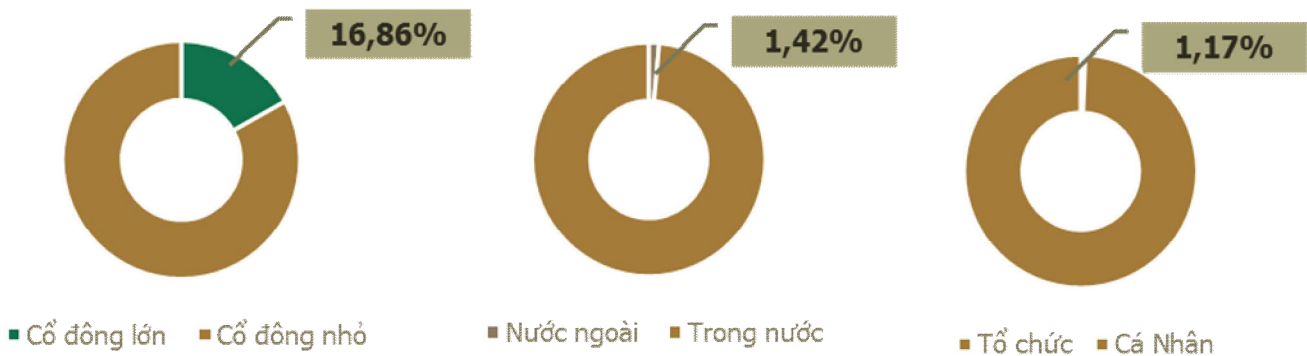


## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG ĐẦU TƯ VCSH

### THÔNG TIN CỔ PHẦN

Vốn điều lệ	576.800.000.000 đồng
Mệnh giá	10.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	57.680.000 cổ phần
Khối lượng cổ phiếu lưu hành	57.680.000 cổ phần
Sở giao dịch	HNX

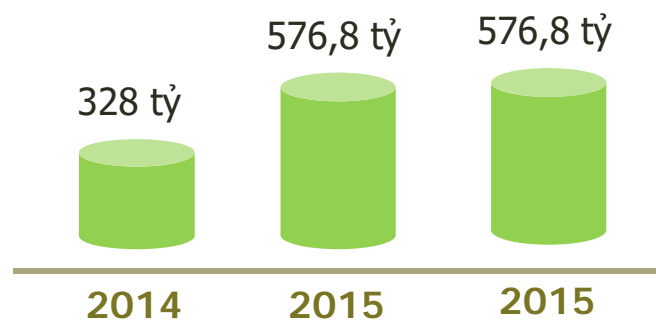
### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



- Ông Nguyễn Văn Dũng Chủ tịch HĐQT nắm giữ 11,74% Cổ phần có quyền biểu quyết.
- Bà Nguyễn Thị Mai vợ ông Nguyễn Văn Dũng nắm giữ 5,12% Cổ phần có quyền biểu quyết.

### TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

- Trong năm 2016, vốn góp của chủ sở hữu không thay đổi.



### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ VÀ CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

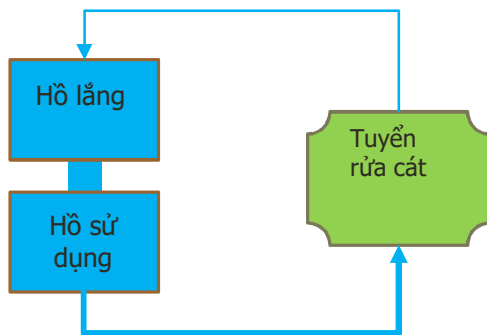
## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực khai thác, chế biến cát từ nguồn nguyên liệu chủ yếu đến từ các mỏ cát đã được cấp phép của công ty. Qua quy trình tuyển rửa, tách hạt phức tạp hơn 99% cát nguyên liệu đều ra thành phẩm, phần thải còn lại là bùn đất tự nhiên được Công ty hoàn thổ lại môi trường.

## Tiêu thụ nước

Công ty được các cơ quan chức năng cấp phép để sử dụng mạch nước ngầm tại nhà máy để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.

Để giảm tối thiểu về nhu cầu nước phục vụ cho sản xuất Công ty đã tiến hành đào các hồ nước để dự trữ và quy trình tuyển rửa cát là hoàn toàn khép kín, lượng nước thất thoát chủ yếu là do bốc hơi.



## Trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Hàng năm Công ty đều hỗ trợ địa phương trao học bổng cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ các gia đình chính sách, đóng góp và kêu gọi để nâng cấp đường xá...



## Tiêu thụ năng lượng

Hoạt động vận hành dây chuyền tuyển rửa được Công ty cải tiến từ sử dụng năng lượng xăng dầu sang điện, góp phần hạn chế khí thải ra môi trường.

Với thiết bị hiện đại được đầu tư nghiên cứu kỹ nên hầu hết các thiết bị điều tiết kiệm điện mức tối đa.

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

BIDICO luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, bằng việc tất cả các dự án của Công ty đều được các cơ quan chức năng thẩm tra và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

## Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động tại văn phòng khoảng 30 người, số lượng công nhân hơn 100 công nhân.

Hàng năm công ty đều có chính sách khám sức khỏe cho người lao động, tham gia các dịch vụ bảo hiểm y tế, bảo hiểm lao động cho Công nhân.

Công ty luôn tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia các khóa học đào tạo nghiệp vụ, cho Công nhân tiếp thu các kỹ năng làm việc tại các Nhà máy khác để nâng cao tay nghề. Hàng năm công ty đều tạo cơ hội cho nhân viên có năng lực lên các chức vụ quản lý cấp trung để tạo lực lượng quản trị kế thừa cho BIDICO.





# ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



# ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Đánh giá kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
Doanh thu	350 tỷ	140,4 tỷ	40,1 %
Lợi nhuận sau thuế	40 tỷ	6,4 tỷ	16,0 %

- Do tình hình kinh doanh biến động bởi nhiều yếu tố không thuận lợi nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm không đạt như mong muốn.

### Đánh giá về kết quả thực hiện các chiến lược đã đề ra

#### Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phát hành trái phiếu chuyển đổi

- Do thị trường vốn nhiều biến động trong năm 2016, HĐQT nhận định chưa phải là thời điểm phù hợp để triển khai nên kế hoạch phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua. HĐQT sẽ trình lại ĐHĐCĐ phương án mới khi nhận thấy thị trường vốn thuận lợi.

#### Thay đổi điều lệ Công ty

- T5/2016 Công ty đã công bố Điều lệ mới của Công ty căn cứ theo các nội dung đã được ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua, phù hợp với các chính sách, quy định mới của Luật doanh nghiệp 2014.

#### Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán

- Năm 2016, Công ty đã lựa chọn đối tác kiểm toán BCTC là Công ty Kiểm toán DFK Việt Nam

# BÁO CÁO CỦA HĐQT

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Công tác tổ chức nhân sự

- Năm 2016 đánh dấu bước chuyển mới trong hoạt động nhân sự của BIDICO với việc bổ nhiệm hàng loạt các vị trí quản lý cấp trung ở độ tuổi từ 25 đến 28 tuổi, BIDICO đang xây dựng một lực lượng kế thừa dựa trên nền tảng kiến thức chuyên môn cao và kinh nghiệm thực tế, đảm bảo trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty.
- Cuối năm 2016, HĐQT quyết định bỏ các chức danh Phó Tổng giám đốc thay bằng các giám đốc chuyên môn nhằm tinh gọn bộ máy và giúp cho Tổng giám đốc có nhiều thông tin hơn trong việc ra quyết định.

### Quan hệ cổ đông/nhà đầu tư

- HĐQT đã chỉ đạo tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2016 thành công trên tinh thần công khai, minh bạch.
- Do bị ảnh hưởng bởi nhiều thông tin bất lợi từ nhóm ngành BĐS và các Công ty Chứng khoán đồng loạt hạn chế nghiệp vụ cho vay ký quỹ đối với cổ phiếu BII nên giá cổ phiếu trên sàn giảm sâu, mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh vẫn bình thường.
- Hoàn thành tốt nghĩa vụ của doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán, công tác Công bố thông tin, báo cáo kịp thời theo đúng quy trình của cơ quan quản lý.

### Định hướng phát triển bền vững

- BIDICO luôn hướng đến một sự phát triển bền vững ngay cả trong nội tại công ty và hướng đến môi trường bên ngoài.
- Với đội ngũ nhân viên trẻ năng động, chính sách lương thưởng phù hợp, môi trường làm việc học tập nhiều thử thách, văn hóa hiện đại, là những cơ sở để BIDICO thu hút và giữ chân nhân tài.
- Cơ chế quản trị hiện đại, Ban kiểm soát và Ban Kiểm soát nội bộ luôn hoàn thành tốt trách nhiệm hướng đến sự vững mạnh và minh bạch trong tài chính.
- Năm 2016 BIDICO đã đóng góp nhiều cho Ngân sách nhà nước và hơn 200 việc làm mới tại địa phương, đồng thời tích cực triển khai nhiều hoạt động xã hội và môi trường.



# BÁO CÁO CỦA HĐQT

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Hoạt động giám sát

- Thông qua các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất, HĐQT kết hợp cùng Ban kiểm soát đã theo dõi và chỉ đạo kịp thời hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong thực hiện chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2016 nhằm hoàn thành mục tiêu do ĐHĐCĐ năm 2016 thông qua.
- Chỉ đạo Ban Kiểm soát nội bộ thực hiện tốt hoạt động giám sát và tham mưu HĐQT và Ban Tổng giám đốc về quản trị rủi ro

### Kết quả giám sát

- HĐQT đánh giá cao nỗ lực và tính kỷ luật của Ban Tổng Giám đốc, trong việc thực hiện các mục tiêu của năm 2016. Vì vậy trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn, kết quả kinh doanh không thuận lợi là do nhiều yếu tố bên ngoài tác động.
- Ban Tổng giám đốc đã đề xuất những thay đổi hợp lý, đảm bảo sự tăng trưởng như tái cấu trúc các đơn vị thành viên, bổ sung nguồn nhân lực trẻ cho Công ty.
- Trong quá trình điều hành hoạt động, Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT.

## KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

### Về cơ cấu tổ chức và quản trị Công ty

- Năm 2017, HĐQT tiếp tục tái cấu trúc toàn hệ thống theo mô hình Holding.
- Bổ sung những nhân sự cấp cao có trình độ chuyên môn cao để điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của các Công ty con.
- Tiếp tục xây dựng, đào tạo lực lượng kế thừa cho nhu cầu phát triển sắp tới.

### Về hoạt động đầu tư và kinh doanh

- Tìm kiếm đối tác để cùng đầu tư xây dựng các dự án mang tính chiến lược của Công ty.
- Thông qua nghiệp vụ M&A để cơ cấu lại tài sản của Công ty.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng mạng lưới kinh doanh, hướng đến xuất khẩu làm chủ lực.

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu	Kiểm nhiệm trong HĐQT công ty khác
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT Thành viên điều hành	11,74%	Không có
Ông Nguyễn Văn Hoàng	TV.HĐQT Thành viên điều hành	0,26%	Không có
Ông Phạm Ngọc An	TV.HĐQT Thành viên điều hành	0,35%	Không có
Ông Trần Trường Vũ	TV.HĐQT Thành viên điều hành	0,096%	Không có
Ông Phan Châu	TV.HĐQT Thành viên điều hành	0,18%	Không có

### Số buổi họp của HĐQT

Thành viên	Số buổi họp	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Văn Dũng	5/5	100%
Ông Nguyễn Văn Hoàng	5/5	100%
Ông Phạm Ngọc An	4/5	80%
Ông Trần Trường Vũ	5/5	100%
Ông Phan Châu	5/5	100%

## Nội dung kết quả các cuộc họp

Nội dung và kết quả các cuộc họp của HĐQT thể hiện qua các Nghị quyết HĐQT, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	31/2016/NQ-HĐQT	19/02/2016	Bổ nhiệm ông Trần Thanh Sơn làm Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư
2	60/2016/NQ-HĐQT	06/04/2016	Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016
3	122/2015/NQ-HĐQT	06/07/2016	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán là công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam
4	171/2016/QĐ-HĐQT	26/09/2016	Quyết định tăng vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Chế biến cát Bình Thuận
5	220/2016/QĐ-HĐQT	28/12/2016	Bãi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty của ông Phạm Ngọc An và ông Trần Trường Vũ Bãi nhiệm chức vụ Kế toán trưởng của ông Trần Thanh Sơn đồng thời bổ nhiệm ông Lê Văn Thật giữ chức vụ kế toán trưởng; Bổ nhiệm ông Vũ Tuấn Hưng giữ chức vụ Giám đốc điều hành công ty; ông Lê Đình Tú giữ chức vụ Giám đốc Tài chính công ty; ông Trần Trường Vũ giữ chức vụ Giám đốc Quản lý dự án; Thông qua đơn từ nhiệm vị trí Thành viên HĐQT của ông Phạm Ngọc An và bầu ông Nguyễn Ngọc Sơn làm Thành viên HĐQT;

## Đánh giá chung của HĐQT

Trong năm 2016, HĐQT BIDICO đã hoạt động tích cực, duy trì và phát huy công tác giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của BGD nhằm đảm bảo thực hiện đúng các kế hoạch và chiến lược đã đề ra.

Công tác xây dựng chiến lược tiếp tục được cải tiến mạnh mẽ theo hướng huy động sức mạnh cả hệ thống nhằm đạt mục tiêu chung. Chủ tịch HĐQT trực tiếp chỉ đạo và giám sát việc phổ biến và thực thi mô hình xây dựng chiến lược để đảm bảo nhất quán trong định hướng ở mọi vị trí và cấp bậc.



# BAN KIỂM SOÁT

## Thành viên và cơ cấu của BKS

Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu
Ông Tăng Kỳ Anh	Trưởng ban	0,00%
Ông Lê Văn Thật	Thành viên	0,00%
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên	0,00%

## Các cuộc họp và kết quả làm việc của BKS

STT	Ngày họp	Số lượng	Nội dung
1	19/03/2016	3/3	<ul style="list-style-type: none"><li>Lập kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2016</li><li>Xem xét, rà soát BCTC năm 2015 trước khi công bố</li></ul>
2	14/06/2016	3/3	<ul style="list-style-type: none"><li>Xem xét BCTC QII.2016</li></ul>
3	09/08/2016	3/3	<ul style="list-style-type: none"><li>Thảo luận, xem xét BCTC QIII.2015</li><li>Rà soát lại hoạt động của BGD, xem xét kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ 2016</li></ul>
4	20/12/2016	3/3	<ul style="list-style-type: none"><li>Lập báo cáo kiểm soát năm 2016</li><li>Thảo luận BCTC QIV.2016</li><li>Đánh giá kết quả hoạt động của BGD</li></ul>

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN GIÁM ĐỐC

### Thù lao và các khoản lợi ích

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Lợi ích
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT			40	
2	Ông Phan Châu	TV HĐQT			4	
3	Ông Nguyễn Văn Hoàng	TV HĐQT			4	
4	Ông Trần Trường Vũ	TV HĐQT			4	
5	Ông Phạm Ngọc An	TV HĐQT			4	

## Thù lao và các khoản lợi ích

### BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Lợi ích
1	Ông Tăng Kỳ Anh	Trưởng ban			3	
2	Ông Lê Văn Thật	Thành viên			2	
3	Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên			2	

### BAN GIÁM ĐỐC

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Lợi ích
1	Ông Nguyễn Văn Hoàng	TGD	40			
4	Ông Trần Trường Vũ	P.TGD	30			
5	Ông Phạm Ngọc An	P.TGD	30			

## Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Công ty TNHH Đầu tư Vĩnh Thụy	Liên quan đến CT.HĐQT	5.000.000	8,67%	0	0%	bán
02	Bà Nguyễn Thị Mai	Vợ Chủ tịch HĐQT	2.200.000	3,81%	2.965.700	5,12%	mua
03	Ông Phạm Ngọc An	TV.HĐQT	200.000	0,35%	0	0%	bán

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ  
và CÁC CÔNG TY CON**

*Báo cáo của Hội đồng Quản trị  
Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016*

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

## 1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Phó chủ tịch
Ông Phan Châu	Thành viên
Ông Phạm Ngọc An	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/12/2016)
Ông Trần Trường Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01/01/2017)
Ông Tăng Kỳ Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Lê Thành Trí	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/4/2016)
Ông Triệu Quang Quân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/4/2016)
Ông Lê Văn Thật	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29/4/2016)
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29/4/2016)

## 2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc An	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/12/2016)
Ông Trần Trường Vũ	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/12/2016)
	Giám đốc dự án (bổ nhiệm ngày 01/01/2017)
Ông Vũ Tuấn Hưng	Giám đốc điều hành (bổ nhiệm ngày 01/01/2017)
Ông Lê Đình Tú	Giám đốc tài chính (bổ nhiệm ngày 01/01/2017)

## 3. Các hoạt động chính

Khai thác cát; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển,...).

## 4. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Nhóm Công ty vào ngày 31/12/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được trình bày từ trang 05 đến trang 30.

## 5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất.



## 6. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Nhóm Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

## 7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

## 8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

## 9. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Nhóm Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### Thay mặt Hội đồng Quản trị

*đã ký và đóng dấu*

---

**NGUYỄN VĂN DŨNG**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:**           **CÁC CỔ ĐÔNG**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ**

## **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ và các công ty Con tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

**Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*đã ký và đóng dấu*

**NGUYỄN LƯƠNG NHÂN**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0182-2013-042-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

*đã ký*

**LÊ ĐÌNH HUYÊN**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1756-2013-042-1

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>425,300,520,858</b>	<b>463,683,486,927</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2,493,140,005</b>	<b>10,518,334,990</b>
1. Tiền	111	V.01	2,493,140,005	10,518,334,990
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>406,723,627,809</b>	<b>414,496,485,289</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	24,985,894,284	30,093,254,188
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03a	110,735,420,403	186,823,405,519
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	272,311,670,615	195,392,842,120
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(1,416,450,690)	(463,829,000)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	107,093,197	2,650,812,462
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.07	<b>3,051,554,002</b>	<b>21,181,034,063</b>
1. Hàng tồn kho	141		3,051,554,002	21,181,034,063
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13,032,199,043</b>	<b>17,487,632,585</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	106,681,859	16,943,939
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9,926,116,288	13,097,064,646
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	2,999,400,896	4,373,624,000
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>382,450,942,092</b>	<b>308,807,140,347</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2,914,376,000</b>	<b>12,593,364,655</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03b	3,638,726,310	13,310,653,310
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	2,330,540,000	2,398,181,000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.06	(3,054,890,310)	(3,115,469,655)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>51,827,497,533</b>	<b>31,280,481,259</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	28,871,719,952	5,774,061,726
- Nguyên giá	222		33,305,270,848	7,655,620,209
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4,433,550,896)	(1,881,558,483)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	22,955,777,581	25,506,419,533
- Nguyên giá	225		25,506,419,533	25,506,419,533
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2,550,641,952)	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>279,737,656,958</b>	<b>256,586,675,144</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		685,038,874	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	279,052,618,084	256,586,675,144
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>47,971,411,601</b>	<b>8,346,619,289</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	47,971,411,601	8,346,619,289
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>807,751,462,950</b>	<b>772,490,627,274</b>



<b>NGUỒN VỐN</b>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>199,986,699,591</b>	<b>172,158,066,171</b>
<b><i>I. Nợ ngắn hạn</i></b>	<b>310</b>		<b>139,961,695,307</b>	<b>145,883,345,961</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	16,470,434,960	34,196,815,744
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		992,137,248	8,322,726,648
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	17,053,304,418	24,132,882,644
4. Phải trả người lao động	314		835,875,767	1,326,078,125
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	57,677,490,142	56,275,541,983
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	11,103,996,834	15,673,370,052
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16(*)	35,828,455,938	5,955,930,765
<b><i>II. Nợ dài hạn</i></b>	<b>330</b>		<b>60,025,004,284</b>	<b>26,274,720,210</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16(*)	60,025,004,284	26,274,720,210
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	V.17	<b>607,764,763,359</b>	<b>600,332,561,103</b>
<b><i>I. Vốn chủ sở hữu</i></b>	<b>410</b>		<b>607,764,763,359</b>	<b>600,332,561,103</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		576,800,000,000	576,800,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		576,800,000,000	576,800,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27,453,616,477	20,285,022,626
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20,285,022,626	9,409,298,925
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7,168,593,851	10,875,723,701
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3,511,146,882	3,247,538,477
<b><i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i></b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>807,751,462,950</b>	<b>772,490,627,274</b>

*Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất*

*đã ký*

*đã ký*

*đã ký và đóng dấu*

Nguyễn Thị Hương  
Người lập biểu

Lê Văn Thật  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hoàng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 30 tháng 3 năm 201

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1</b>		<b>140,474,799,822</b>	<b>122,770,369,333</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		37,372,562	20,077,265,319
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.01</b>	<b>140,437,427,260</b>	<b>102,693,104,014</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	114,535,317,184	48,056,692,275
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>25,902,110,076</b>	<b>54,636,411,739</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2,143,840,873	156,012,801
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	4,925,604,672	1,160,974,359
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,360,634,454	1,154,715,339
8. Phần lãi / (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	11,300,559,310	4,891,510,956
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	12,879,819,989	16,211,833,293
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/(lỗ)</b>	<b>30</b>		<b>(1,060,033,022)</b>	<b>32,528,105,932</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.07	8,294,928,364	62,097,062
13. Chi phí khác	32	VI.08	726,161,633	16,348,755,341
<b>14. Lợi nhuận khác / (lỗ)</b>	<b>40</b>		<b>7,568,766,730</b>	<b>(16,286,658,279)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>6,508,733,709</b>	<b>16,241,447,653</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	155,031,453	5,478,185,473
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>6,353,702,256</b>	<b>10,763,262,180</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		7,168,593,851	10,875,723,703
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát / (lỗ)	62		(814,891,595)	(112,461,523)
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.10</b>	<b>124</b>	<b>278</b>
<b>22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>VI.11</b>	<b>124</b>	<b>278</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

đã ký

đã ký

đã ký và đóng dấu

Nguyễn Thị Hương

Lê Văn Thật

Nguyễn Văn Hoàng

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>6,508,733,709</b>	<b>16,241,447,652</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5,102,634,365	794,302,755
Các khoản dự phòng	03	892,042,345	3,579,298,655
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(1,433,099)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1,474,910,451)	(135,264,394)
Chi phí lãi vay	06	4,360,634,454	1,154,715,339
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>15,389,134,422</b>	<b>21,633,066,908</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	21,104,975,252	(244,978,436,390)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	17,444,441,187	(17,635,590,825)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(32,029,158,990)	113,387,587,770
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(39,714,530,232)	(8,355,711,864)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
Tiền lãi vay đã trả	14	(3,832,182,744)	(1,407,151,854)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3,370,000,000)	(11,774,928,306)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(25,007,321,105)</b>	<b>(149,131,164,561)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn kh	21	(48,115,593,579)	(75,809,742,739)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2,000,000,000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,474,910,451	135,264,394
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(46,640,683,128)</b>	<b>(73,674,478,345)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	216,000,000,000
Tiền thu từ đi vay	33	137,662,311,019	25,828,964,544
Tiền trả nợ gốc vay	34	(69,737,483,007)	(9,521,061,648)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(4,302,018,765)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>63,622,809,247</b>	<b>232,307,902,896</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(8,025,194,986)</b>	<b>9,502,259,989</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>10,518,334,990</b>	<b>1,014,646,642</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1,428,359
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>2,493,140,004</b>	<b>10,518,334,990</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

đã ký

đã ký

đã ký và đóng dấu

Nguyễn Thị Hương

Người lập biểu

Lê Văn Thập

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hoàng

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

## I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Công nghiệp Bảo Thu ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 3400555146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29/5/2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 17 ngày 02/10/2015.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là BII kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2014 theo Quyết định về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 467/QĐ-SGDHN ngày 29/8/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Công ty là 576,8 tỷ đồng

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Bao Thu Industrial Development and Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: BIDICO.

Trụ sở chính đặt tại: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Chi nhánh tại TP.HCM và Chi nhánh Đồng Nai.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác - sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác, chế biến khoáng sản); Bốc xếp hàng hóa; Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn gạo; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn tổng hợp; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển; Nạo vét, khai thông luồng lạch); Bán buôn cao su, phân bón, hóa chất (trừ bán buôn thuốc BVTV); Bán buôn đá quý, đá bán quý, đá mỹ nghệ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (XD công trình đường bộ); Xây dựng công trình công ích (XD công trình thủy lợi); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn VLXD, vật liệu làm gốm sứ); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Đại lý vận tải biển); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (cho thuê MMTB xây dựng);

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn MMTB và phụ tùng máy khác (bán buôn MMTB và phụ tùng máy xe cơ giới; bán buôn thiết bị tàu thuyền); Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn thực phẩm (bán buôn thủy sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác (sản xuất cát, đá); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự); Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

- Đối với hoạt động xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp: trên 12 tháng

- Đối với hoạt động khác: trong vòng 12 tháng



## 5. Cấu trúc Tập đoàn

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 9 Công ty.

### Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	CCN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV BDS và XD Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Xây dựng, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	Thôn Bàu Diên (Cụm CN Thắng Hải), xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100.00%	100.00%
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Thư Gò Dầu	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Xây dựng, dịch vụ	80.00%	80.00%
Công ty TNHH Địa ốc Tân Bửu	Tầng 18, tòa nhà Pegasus, đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, TP Biên Hòa, Đồng Nai	Dịch vụ	94.34%	94.34%
Công ty TNHH Vận tải Thắng Hải	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Dịch vụ	52.00%	52.00%
Công ty TNHH Nông sản Việt Xanh	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Sản xuất, dịch vụ	52.00%	52.00%
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Lam Sơn	KCN Phú Mỹ 1, Thị Trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	51.00%	51.00%

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

## III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

### 1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu và các Công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

### 2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

### 3. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản trong công ty con được mua thì chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là tối đa không quá mười năm.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải	03 - 06 năm
Dụng cụ quản lý	03 năm
Thiết bị quản lý	10 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê

## **Hợp đồng thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

## **8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí công cụ dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ
- Chi phí quyền khai thác khoáng sản cát tận thu tại CCN Thăng Hải 2
- Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ

## **9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

## **10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

## **11. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp**

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

## **12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.



### 13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

**Doanh thu bán hàng** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp** được ghi nhận một lần khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Công ty cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

**Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia** của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Thu nhập khác:** bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

### 16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

### 17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### 18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

## 19. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	165,236,952	219,545,727
Tiền gửi ngân hàng	2,327,903,053	10,298,789,263
<b>Cộng</b>	<b>2,493,140,005</b>	<b>10,518,334,990</b>

(\*) Trong đó, bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 1.466,84 USD tương đương 33.219.667 đồng.

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Cát Tường	24,047,100,000	-
- Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	-	28,614,120,000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	938,794,284	1,479,134,188
<b>Cộng</b>	<b>24,985,894,284</b>	<b>30,093,254,188</b>

3. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Công ty TNHH MTV Cát Tường	-	59,099,001,577
- Công ty TNHH DV VT XD Á Châu	4,844,717,211	3,905,512,042
- Công ty TNHH Nguyên liệu Gốm Sứ - Xây dựng Thiên Lợi (*)	75,000,000,000	75,000,000,000
- Công ty CP Dịch vụ XNK Nhật Minh	-	6,500,000,000
- Công ty TNHH VLXD Phước Bình	20,000,000,000	40,000,000,000
- Công ty TNHH Vận tải và Xây lắp Phan Nguyễn	2,158,700,000	-
- Công ty TNHH XD - TM - Vũ Ngô	2,250,000,000	-
- Trả trước nhà cung cấp khác	6,482,003,192	2,318,891,900
<b>Cộng</b>	<b>110,735,420,403</b>	<b>186,823,405,519</b>

**b) Dài hạn**

- Công ty TNHH Hạnh Vân	583,836,000	-
- Trung tâm Quy hoạch và Đầu tư Tài nguyên Nước	1,265,000,000	1,265,000,000
- Công ty TNHH Chế biến Zircon Bình Thuận	-	10,000,000,000
- Công ty TNHH SX SX TM Hoàng Thông	1,263,192,000	1,263,192,000
- Trả trước nhà cung cấp khác	526,698,310	782,461,310
<b>Cộng</b>	<b>3,638,726,310</b>	<b>13,310,653,310</b>

(\*) Khoản trả trước đến Công ty TNHH Nguyên liệu Gốm Sứ - Xây dựng Thiên Lợi liên quan đến việc thi công xây dựng mặt bằng cụm công nghiệp Tân Bình theo hợp đồng thi công số 001/2015/ĐXD/REBICO-TL ngày 14/9/2015.

**4. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu Công ty TNHH Năng lượng Xanh KSA liên quan đến khoản trả trước do không tiếp tục thực hiện hợp đồng	-	-	15,704,000,000	-
- Khoản tiền cho mượn đến Công ty TNHH MTV Cát Tường	6,000,000,000	-	6,000,000,000	-
- Phải thu Công ty TNHH Đầu tư Nam Việt Quốc	147,826,343,750	-	-	-
- Khoản ứng vốn đến Ông Phan Châu liên quan đến tiền mua đất mỏ cát Tân Hà	648,150,000	-	648,150,000	-
- Các khoản cho mượn tiền đến các tổ chức và cá nhân	2,878,139,371	(768,816,680)	2,268,801,033	-
- Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
- Phải thu khoản ứng vốn				
- Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	51,600,000	-	237,200,000	-
- Các khoản tạm ứng	112,712,150,251	-	167,610,302,733	-
+ Ông Trần Thanh Minh	-	-	83,062,521,000	-
+ Ông Trần Thanh Sơn	-	-	30,000,000,000	-
+ Ông Phạm Ngọc An	-	-	22,021,853,657	-
+ Ông Võ Kim Nguyên	83,285,680,000	-	30,000,000,000	-
+ Bà Lê Thị Phương Dung	4,998,000,000	-	-	-
+ Ông Võ Phú Nông	20,000,000,000	-	-	-
+ Các đối tượng khác	4,428,470,251	-	2,525,928,076	-
- Thuế GTGT liên quan đến TSCĐ thuê tài chính	1,792,087,243	-	2,348,636,363	-
- Thuế GTGT chờ kê khai	-	-	551,532,091	-
- Phải thu khác	403,200,000	201,600,000	24,219,900	-
<b>Cộng</b>	<b>272,311,670,615</b>	<b>(567,216,680)</b>	<b>195,392,842,120</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Khoản ký quỹ cho Hợp đồng thuê tài chính	2,215,520,000	-	2,215,520,000	-
- Ký quỹ, đặt cọc dài hạn	115,020,000	-	182,661,000	-
<b>Cộng</b>	<b>2,330,540,000</b>	<b>-</b>	<b>2,398,181,000</b>	<b>-</b>

5. Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thiếu chờ xử lý liên quan đến khu cảng Lagi chưa được tập hợp đầy đủ hóa đơn, chứng từ	-	1,450,812,462
- Tài sản thiếu chờ xử lý liên quan đến khoản góp vốn mua cổ phần tại Anata Bình Định	-	1,200,000,000
- Tài sản thiếu chờ xử lý khác	107,093,197	-
<b>Cộng</b>	<b>107,093,197</b>	<b>2,650,812,462</b>

6. Nợ xấu	Đối tượng nợ	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Các khoản phải thu quá hạn từ 01-02 năm	Công ty CP CN Khoáng sản Bình Thuận	1,537,633,360	-	-	-
	Các đối tượng khác	502,214,330	-	-	-
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	Trung tâm QH và ĐT Tài Nguyên Nước	463,829,000	-	463,829,000	-
- Các khoản trả trước người bán quá hạn trên 03 năm	Công ty TNHH SX XD TM Hoàng Thông	1,263,192,000	-	1,263,192,000	-
	Trung tâm QH và ĐT Tài Nguyên Nước	1,265,000,000	-	1,265,000,000	-
	Các đối tượng khác	392,094,000	-	392,094,000	-
- Các khoản trả trước người bán quá hạn trên từ 01 - 02 năm	Các đối tượng khác	134,604,310	-	390,367,310	-
<b>Cộng</b>		<b>5,558,567,000</b>	<b>-</b>	<b>3,774,482,310</b>	<b>-</b>

#### Biến động dự phòng phải thu khó đòi:

Số dư đầu năm (01/01/2016)	(3,579,298,655)
Trích lập dự phòng	(1,019,923,845)
Hoàn nhập dự phòng	97,881,500
Xử lý dự phòng nợ phải thu	30,000,000
<b>Số dư cuối năm (31/12/2016)</b>	<b>(4,471,341,000)</b>

7. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	40,393,750	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	352,944,214	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	200,008,581	-	185,612,397	-
- Thành phẩm	50,951,095	-	103,373,923	-
- Hàng hóa	2,407,256,362	-	20,892,047,743	-
<b>Cộng</b>	<b>3,051,554,002</b>	<b>-</b>	<b>21,181,034,063</b>	<b>-</b>



<b>8. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>01/01/2016</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>31/12/2016</b>
Nguyên giá	25,506,419,533	-	-	25,506,419,533
Khấu hao	-	2,550,641,952	-	2,550,641,952
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>25,506,419,533</b>			<b>22,955,777,581</b>

Tài sản cố định thuê tài chính tăng kể từ ngày 23/12/2015 là 10 chiếc ô tô đầu kéo Hyundai và 10 Mooc ben tự đổ theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00226-000 ngày 20/11/2015. Thời hạn thuê là 60 tháng, thời gian khấu hao của Công ty là 120 tháng.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý và TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	2,587,838,391	2,791,150,000	2,231,290,909	45,340,909	7,655,620,209
Tăng trong năm	12,633,994,382	6,797,382,553	2,951,073,636	3,267,200,068	25,649,650,639
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15,221,832,773</b>	<b>9,588,532,553</b>	<b>5,182,364,545</b>	<b>3,312,540,977</b>	<b>33,305,270,848</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	868,948,605	566,453,686	429,783,085	16,373,108	1,881,558,484
Khấu hao trong năm	782,873,402	1,122,624,842	401,975,520	244,518,648	2,551,992,412
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1,651,822,007</b>	<b>1,689,078,528</b>	<b>831,758,605</b>	<b>260,891,756</b>	<b>4,433,550,896</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	1,718,889,786	2,224,696,314	1,801,507,824	28,967,801	5,774,061,725
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>13,570,010,766</b>	<b>7,899,454,025</b>	<b>4,350,605,940</b>	<b>3,051,649,221</b>	<b>28,871,719,952</b>

Tài sản cố định tăng trong năm do mua sắm mới và xây dựng cơ bản hoàn thành.

Tại ngày 31/12/2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.356.009.681 đồng được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Tại ngày 31/12/2016, tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 466.200.000 đồng.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nhà máy Cát	1,111,711,639	20,443,044,636
Cụm công nghiệp Thăng Hải I	24,633,879,136	64,171,892,648
Cụm công nghiệp Thăng Hải II	96,065,411,795	95,652,877,965
Cụm công nghiệp Tân Bình	6,454,772,185	3,631,535,154
Khu chuyển tải Lagi - Bình Thuận (*)	67,934,488,007	66,284,893,060
Dự án xây dựng, lắp đặt và chuyển giao dây chuyền gạch Tuynel	58,071,063,443	636,363,636
Chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng và văn phòng	7,735,295,196	-
Mua sắm máy móc thiết bị	16,934,898,461	5,515,320,909
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	111,098,222	250,747,136
<b>Cộng</b>	<b>279,052,618,084</b>	<b>256,586,675,144</b>

(*) <b>Bao gồm:</b>	Giá trị ban đầu	Giá trị đã chuyển nhượng	Tài sản thiếu chờ xử lý	Khấu hao đến 31/12/2016	Giá trị còn lại đến 31/12/2016
	Quyền sử dụng đất	9,571,758,800	(7,513,659,992)	-	(318,262,703)
Vật kiến trúc trên đất, bao gồm:					
- Tài sản khu dịch vụ đất Cảng Lagi	32,033,148,574	-	-	-	32,033,148,574
- Tài sản khác:					-
+ Liên quan đến Cảng Lagi	32,440,287,867	-	-	-	32,440,287,867
+ Tài sản chờ xử lý	1,450,812,461	-	-	-	1,450,812,461
- Chi phí xây dựng	270,403,000	-	-	-	270,403,000
<b>Cộng</b>	<b>75,766,410,702</b>	<b>(7,513,659,992)</b>	<b>-</b>	<b>(318,262,703)</b>	<b>67,934,488,007</b>

## 11. Chi phí trả trước

### a) Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ	<b>106,681,859</b>	<b>16,943,939</b>

### b) Dài hạn

- Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ	(*)	7,904,427,072	7,000,060,927
- Chi phí quyền khai thác khoáng sản mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ		-	-
- Chi phí quyền khai thác khoáng sản cát tận thu tại CCN Thắng Hải 2		590,940,649	1,311,489,900
- Quyền sử dụng đất chờ phân bổ	(**)	39,058,375,105	
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ		323,578,998	-
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		91,352,277	35,068,462
- Chi phí khác chờ phân bổ		2,737,500	
<b>Cộng</b>		<b>47,971,411,601</b>	<b>8,346,619,289</b>

(\*) Bao gồm chi phí ban đầu là 7.000.060.927 đồng và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phân bổ là 904.366.145 đồng. Công ty thực hiện khai thác cát trắng tại xã Tân Phước, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3247/GP-BTNMT ngày 31/12/2014. Thời gian khai thác: 7 năm kể từ ngày cấp Giấy phép, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 01 năm. Trong năm 2016, Công ty chưa triển khai khai thác do chưa hoàn tất thủ tục pháp lý.

(\*\*) Quyền sử dụng đất chờ phân bổ bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất trả tiền thuê đất một lần, là phần góp vốn của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công Nghiệp Bảo Thu vào Công ty, tại xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận với diện tích 41.982 m<sup>2</sup>, với thời hạn sử dụng đất đến 14/9/2059, giá trị còn lại chờ phân bổ đến ngày 31/12/2016 là 11.347.511.701 đồng.

- Chi phí thuê đất tại thửa đất số 370, tờ khai bản đồ số 230 với diện tích 26.880m<sup>2</sup> tại Xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận đến ngày 14/9/2059 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BY 629557 ngày 28/12/2015 từ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận, giá trị còn lại chờ phân bổ đến ngày 31/12/2016 là 7.259.536.593 đồng. Quyền sử dụng đất này đã được cầm cố và thế chấp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn để đảm bảo các khoản vay ngắn và dài hạn.

- Chi phí thuê đất trả trước tại xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận đến ngày 14 tháng 9 năm 2059. Công ty đã đạt được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn của lô đất này, giá trị còn lại chờ phân bổ đến ngày 31/12/2016 là 20.451.326.811 đồng.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>12. Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Công ty CP Khoáng sản Bình Thuận	-	-	28,941,000,000	28,941,000,000
- Công ty TNHH MTV Máy móc Nam Anh	2,645,268,960	2,645,268,960	-	-
- Công ty CP Dịch vụ XNK Nhật Minh	3,000,000,000	3,000,000,000	-	-
- Công ty TNHH TM VLXD và Xây lắp Kim Châu	1,009,648,134	1,009,648,134	317,263,440	317,263,440
- Công ty TNHH XNK T&G Trường Giang	3,255,820,000	3,255,820,000	-	-
- Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	6,559,697,866	6,559,697,866	4,938,552,304	4,938,552,304
<b>Cộng</b>	<b>16,470,434,960</b>	<b>16,470,434,960</b>	<b>34,196,815,744</b>	<b>34,196,815,744</b>

### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp	Số phải nộp trong		Số đã thực nộp trong	
	Số đầu năm	năm	năm	Số cuối năm
- Thuế GTGT	7,451,158,431	(6,373,645,420)	12,002,920	1,065,510,091
- Thuế xuất khẩu	-	9,537,800,906	9,537,800,906	-
- Thuế TNDN	6,692,397,726	155,031,453	3,370,000,000	3,477,429,179
- Thuế TNDN của các năm trước	1,674,740,285	(1,674,740,285)	-	-
- Thuế TNCN	81,505,171	126,516,064	43,170,526	164,850,709
- Tiền thuê đất	561,029,480	(377,754,454)	-	183,275,026
- Thuế tài nguyên	1,836,900,830	888,781,425	-	2,725,682,255
- Thuế khác	3,000,000	11,000,000	14,000,000	-
- Các khoản tiền phạt thuế	5,832,150,721	3,604,406,437	-	9,436,557,158
<b>Cộng</b>	<b>24,132,882,644</b>	<b>5,897,396,126</b>	<b>12,976,974,352</b>	<b>17,053,304,418</b>
<b>b) Phải thu</b>				
- Thuế GTGT	-	-	1,995,776,896	1,995,776,896
- Thuế xuất khẩu	3,624,000	-	-	3,624,000
- Ứng tiền làm cơ sở hạ tầng	3,370,000,000	3,370,000,000	-	-
- Ứng tiền thi công hệ thống đèn chiếu sáng và hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Thăng Hải	1,000,000,000	-	-	1,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>4,373,624,000</b>	<b>3,370,000,000</b>	<b>1,995,776,896</b>	<b>2,999,400,896</b>

<b>14. Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải I liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng	13,213,829,845	13,213,829,846
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải II liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng	23,779,248,760	23,779,248,760
- Tiền thuê đất CCN Thăng Hải I và II phải trả	19,167,940,078	19,167,940,077
- Chi phí lãi vay phải trả	533,167,310	4,715,600
- Chi phí trích trước Các bên liên quan	-	-
- Chi phí dịch vụ phải trả khác	983,304,149	109,807,700
<b>Cộng</b>	<b>57,677,490,142</b>	<b>56,275,541,983</b>

<b>15. Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tài sản thừa chờ xử lý	179,232,421	427,308,981
- Bảo hiểm bắt buộc phải nộp	164,716,665	15,678,000
- Phải trả Bà Nguyễn Thị Mai liên quan đến khoản tiền mượn	2,887,753,081	2,679,923,537
- Phải trả Ông Nguyễn Văn Dũng liên quan đến khoản tiền mượn	400,000,000	1,200,000,000
- Phải trả tiền mượn từ các tổ chức và cá nhân khác	2,170,895,358	100,000,000
- Phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ cát trắng Tân Phước	465,886,000	-
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê tại KCN Thăng Hải I	1,793,041,952	1,293,041,952
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê tại KCN Thăng Hải II	-	6,803,933,715
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3,042,471,357	3,153,483,868
<b>Cộng</b>	<b>11,103,996,834</b>	<b>15,673,370,052</b>

#### **16. Vay và nợ thuê tài chính**

	<b>Số đầu năm</b>		<b>Trong năm</b>		<b>Số cuối năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
<b>(*) Vay ngắn hạn</b>						
(a) - NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	-	-	65,983,273,280	49,253,273,280	16,730,000,000	16,730,000,000
- NH TMCP An Bình	-	-	8,151,273,280	8,151,273,280	-	-
(b) - NH TMCP Sài Gòn (SCB)	-	-	2,019,835,086	-	2,019,835,086	2,019,835,086
- Phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn	5,955,930,765	5,955,930,765	-	-	17,078,620,852	17,078,620,852
<b>Cộng</b>	<b>5,955,930,765</b>	<b>5,955,930,765</b>	<b>76,154,381,646</b>	<b>57,404,546,560</b>	<b>35,828,455,938</b>	<b>35,828,455,938</b>

**(\*\* Vay dài hạn**

- NH TMCP Việt Nam	303,200,000	303,200,000	-	119,240,000	183,960,000	183,960,000
(c) Thịnh Vượng						
- NH TMCP Phát triển TP.HCM	8,003,894,079	8,003,894,079	-	8,003,894,079	-	-
- NH TMCP XNK Việt	458,000,000	458,000,000	-	110,400,000	347,600,000	347,600,000
(d) Nam						
- NH TMCP Sài Gòn	-	-	61,507,929,373	4,099,402,368	57,408,527,005	57,408,527,005
(e) (SCB)						
- Nợ thuê tài chính tại	23,465,556,896	23,465,556,896	-	4,302,018,765	19,163,538,131	19,163,538,131
(f) VILC						
- Phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn	(5,955,930,765)	(5,955,930,765)	-	-	(17,078,620,852)	(17,078,620,852)
<b>Cộng</b>	<b>26,274,720,210</b>	<b>26,274,720,210</b>	<b>61,507,929,373</b>	<b>16,634,955,212</b>	<b>60,025,004,284</b>	<b>60,025,004,284</b>

**Ngắn hạn**

(a) Khoản vay **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Bình Thuận** theo hợp đồng tín dụng số 1SIBICO/2015/HĐTD ngày 02/02/2016 và phụ lục hợp đồng số 02.2016/SIBICO ngày 21/6/2016 với hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo: giá trị quyền sử dụng đất của 04 thửa đất với tổng giá trị đảm bảo là 5.078.722.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2016 là **16.730.000.000 đồng**.

(b) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Gia Định** theo Hợp đồng Tín dụng Ngắn hạn hạn mức số 72/HĐTDHM-SCB-CNGĐ.16 ngày 24/02/2016 với tổng hạn mức được cấp là 3 tỷ đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình trên đất thuộc dự án "Nhà máy gạch Tuynel BIDICO" tại địa chỉ Lô A2, Cụm Công nghiệp Thắng Hải 1, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận và Tài sản hình thành trong tương lai là máy móc thiết bị thuộc dự án "Nhà máy gạch Tuynel BIDICO". Lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 8,50% - 11,00%/năm. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2016 là **2.019.835.086 đồng**.

**Dài hạn**

(c): Vay từ **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Thành phố Hồ Chí Minh** theo Hợp đồng Tín dụng số SME/HCM/14/0134/HĐTD ngày 07/4/2017 với số tiền vay là 520.000.000 đồng. Thời hạn vay là 48 tháng (đến ngày 07/4/2018). Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe Ford Everest. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là: 13,55%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ gốc được trả hàng tháng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2016 là **183.960.000 đồng**, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là: 140.920.000 đồng.

(d): Vay từ **Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh HCM** theo Hợp đồng Tín dụng số 2000-LAV-201500479 ngày 02/02/2015 với số tiền vay là 550 triệu đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 10,50%/năm. Mục đích vay đầu tư mua xe ô tô Ford Everest. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ gốc được trả hàng tháng. Số dư nợ vay đến 31/12/2016 là **347.000.000 đồng**. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 110.400.000 đồng.

(e): Vay từ **Ngân hàng TMCP Sài Gòn** theo các hợp đồng:

- Hợp đồng Tín dụng trung dài hạn số 338/HĐTD-SCB-CNGĐ.16 ngày 03/8/2016 với số tiền vay là 588.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 11%/năm. Mục đích vay là thanh toán tiền mua xe Mitsubishi Pajero. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ gốc được trả hàng tháng. Số dư nợ vay đến 31/12/2016 là **548.800.000 đồng**. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 117.600.000 đồng.

- Hợp đồng Tín dụng trung dài hạn số 182/HĐTD-SCB-CNGĐ.16 ngày 06/5/2016 và 6 phụ lục bổ sung với số tiền được vay là 30 tỷ đồng. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 10,60%/năm. Mục đích vay hoàn lại phần vốn tự có mà Công ty CP Đầu tư & Phát triển CN Bảo Thủ đã sử dụng để đầu tư dự án "Nhà máy Chế biến Cát Bình Thuận" tại Lô A1, Cụm Công nghiệp Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba. Nợ gốc được trả hàng Quý. Số dư nợ vay đến 31/12/2016 là **27.412.797.632 đồng**. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 6.315.789.472 đồng.



- Hợp đồng tín dụng số 102/HĐTĐ-SCB-CNGĐ.16 ngày 10/3/2016 với số tiền vay là 500.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe Toyota Hilux. Tài sản đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2016 là **424.400.000 đồng**. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 100.800.000 đồng.

- Hợp đồng Tín dụng Trung dài hạn hạn mức số 69/HĐTĐHM-SCB-CNGĐ.16 ngày 24/02/2016 với tổng hạn mức được cấp là 31 tỷ đồng. Mục đích vay đầu tư xây dựng hệ thống nhà máy gạch Tuynel tại cụm công nghiệp Thăng Hải 1, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận giai đoạn 1. Thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình trên đất thuộc dự án "Nhà máy gạch Tuynel BIDICO" tại địa chỉ Lô A2, Cụm Công nghiệp Thăng Hải 1, xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận và Tài sản hình thành trong tương lai là máy móc thiết bị thuộc dự án "Nhà máy gạch Tuynel BIDICO". Lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 10,55%/năm. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2016 là **29.022.529.373 đồng**, trong đó bao gồm nợ dài hạn đến hạn trả là 5.600.000.000 đồng.

**(f) Nợ thuê tài chính** theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00226-000 ngày 20/11/2015:

Bên cho thuê:	Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC)	
Bên bảo lãnh:	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ (Bidico)	
Thời hạn thuê:	60 tháng	
Lãi suất thuê:	8,3%/năm	
Phương thức trả tiền thuê:	Thanh toán sau mỗi tháng	
Giá trị mua lại:	138.098.000 VND	
Số tiền còn phải trả đến 31/12/2016		19,163,538,131
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả		(4,693,111,380)

## 17. Vốn chủ sở hữu

### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2015	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	328,000,000,000	248,800,000,000	-	576,800,000,000
LNST chưa phân phối	42,209,298,924	10,875,723,702	32,800,000,000	20,285,022,626
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	3,247,538,477	-	3,247,538,477
<b>Cộng</b>	<b>370,209,298,924</b>	<b>262,923,262,179</b>	<b>32,800,000,000</b>	<b>600,332,561,103</b>

	01/01/2016	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	31/12/2016
Vốn góp của chủ sở hữu	576,800,000,000	-	-	576,800,000,000
LNST chưa phân phối	20,285,022,626	7,168,593,851	-	27,453,616,477
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	3,247,538,477	263,608,405	-	3,511,146,882
<b>Cộng</b>	<b>600,332,561,103</b>	<b>7,432,202,256</b>	<b>-</b>	<b>607,764,763,359</b>

<b>b) Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57,680,000	57,680,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57,680,000	57,680,000
+ Cổ phiếu phổ thông	57,680,000	57,680,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57,680,000	57,680,000
+ Cổ phiếu phổ thông	57,680,000	57,680,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

#### 18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

<b>Ngoại tệ các loại:</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- USD	<b>1,466.84</b>	<b>2,032.70</b>
<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>	<b>1,494,533,208</b>	<b>1,434,533,208</b>

#### VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

##### 1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	140,474,799,822	59,119,018,558
- Doanh thu hoạt động cho thuê đất	-	63,651,350,775
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
<b>Cộng doanh thu</b>	<b>140,474,799,822</b>	<b>122,770,369,333</b>
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
+ Chiết khấu thương mại	(37,372,562)	-
+ Hàng bán bị trả lại (thanh lý hợp đồng cho thuê đất)	-	(20,077,265,319)
<b>Cộng</b>	<b>140,437,427,260</b>	<b>102,693,104,014</b>

##### 2. Giá vốn hàng bán

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	114,535,317,184	37,231,927,053
- Giá vốn hoạt động cho thuê đất	-	22,871,124,414
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-
- Giá vốn hàng bán trả lại	-	(12,046,359,192)
<b>Cộng</b>	<b>114,535,317,184</b>	<b>48,056,692,275</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	11,566,701	15,264,394
- Cổ tức lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi ứng tiền trước	1,463,343,750	-
- Lãi cho vay	-	120,000,000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	668,930,422	20,748,407
<b>Cộng</b>	<b>2,143,840,873</b>	<b>156,012,801</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
- Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	4,360,634,454	1,154,715,339
- Dự phòng đầu tư tài chính	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	486,227,772	6,259,020
- Chi phí tài chính khác	78,742,446	-
<b>Cộng</b>	<b>4,925,604,672</b>	<b>1,160,974,359</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nhân viên	264,016,268	1,029,371,938
- Chi phí bao bì, dụng cụ	-	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	18,750,000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài (chủ yếu là chi phí vận chuyển)	10,886,063,969	3,782,017,018
- Chi phí khác bằng tiền	150,479,073	61,372,000
<b>Cộng</b>	<b>11,300,559,310</b>	<b>4,891,510,956</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên quản lý	4,679,093,936	3,881,272,752
- Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	177,670,719	124,473,898
- Chi phí khấu hao TSCĐ	810,850,698	540,213,609
- Thuế, phí và lệ phí	34,264,938	37,180,237
- Chi phí dự phòng	922,042,345	3,579,298,655
- Chi phí dịch vụ mua ngoài (chủ yếu chi phí tiền điện, bảo vệ, thuê văn phòng, chi phí tư vấn,...)	2,529,738,304	5,940,908,960
- Chi phí khác bằng tiền	3,726,159,049	2,108,485,182
<b>Cộng</b>	<b>12,879,819,989</b>	<b>16,211,833,293</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>7. Thu nhập khác</b>		
- Thu nhập từ xử lý chênh lệch về thuế phải nộp các năm trước	2,925,877,506	-
- Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	4,263,000,000	-
- Thu nhập từ khoản công nợ không phải trả	668,749,567	-
- Thu nhập khác	437,301,291	62,097,062
<b>Cộng</b>	<b>8,294,928,364</b>	<b>62,097,062</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>8. Chi phí khác</b>		
- Tiền thuê đất Cảng Lagi từ năm 2009 đến 31/12/2015	-	275,827,675
- Giảm doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng năm 2013	-	3,092,578,876
- Chi phí phạt chậm nộp thuế	6,550,072	1,295,745,616
- Giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	-	46,770,105
- Xử lý công nợ tồn đọng, không có khả năng thu hồi	204,580,649	1,434,533,208
- Chi phí vận chuyển liên quan đến cát xây dựng đã bán trong năm 2012	-	5,213,894,400
- Chi phí mỏ cát Tân Hà không còn thực hiện	-	4,687,046,377
- Chi phí phát sinh tại xưởng chế biến Đá Thạch Anh	-	189,873,339
- Chi phí khác	515,030,912	112,485,745
<b>Cộng</b>	<b>726,161,633</b>	<b>16,348,755,341</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh tại:</b>		
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu	155,031,453	5,105,139,371
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	-	373,046,102
<b>Cộng</b>	<b>155,031,453</b>	<b>5,478,185,473</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7,168,593,851	10,875,723,703
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7,168,593,851	10,875,723,703
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	57,680,000	39,139,288
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>124</b>	<b>278</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>		
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ sở hữu cổ phần phổ thông	7,168,593,851	10,875,723,703
- Lãi của trái phiếu chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	7,168,593,851	10,875,723,703
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	57,680,000	39,139,288
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	57,680,000	39,139,288
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>124</b>	<b>278</b>

## VII. Những thông tin khác

### 1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Nhóm Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### 2. Cam kết khác

Công ty cam kết thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển quyền sử dụng đất tại khu chuyên tải Lagi đến công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất Động sản Bình Thuận liên quan đến 35.000 m<sup>2</sup> đất đã chuyển nhượng trong năm 2010.

### 3. Báo cáo bộ phận

Tại ngày 31/12/2016, Nhóm Công ty báo cáo hoạt động các bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý như sau:

	Bình Thuận	Hồ Chí Minh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đồng Nai	Loại trừ	Cộng
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	140,437,427,260	-	-	-	-	140,437,427,260
Giữa các bộ phận	24,869,235,403	-	-	-	(24,869,235,403)	-
<b>Tổng cộng doanh thu thuần</b>	<b>165,306,662,663</b>	-	-	-	<b>(24,869,235,403)</b>	<b>140,437,427,260</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Lợi nhuận gộp	25,902,110,076	-	-	-	-	25,902,110,076
Chi phí hoạt động	23,111,716,732	3,847,000	1,628,000	1,063,187,567	-	24,180,379,299
Thu nhập tài chính	6,227,222,672	4,265	906	57,559	(4,083,444,529)	2,143,840,873
Chi phí tài chính	7,611,362,329	-	-	-	2,685,757,657	4,925,604,672
Lợi nhuận / (lỗ) khác	7,568,738,730	9,000	-	19,000	-	7,568,766,730
Lợi nhuận đầu tư LD, LK	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	<b>8,974,992,418</b>	<b>(3,833,735)</b>	<b>(1,627,094)</b>	<b>(1,063,111,008)</b>	<b>(1,397,686,872)</b>	<b>6,508,733,709</b>
Chi phí thuế TNDN	155,031,453	-	-	-	-	155,031,453
Lợi nhuận sau thuế	<b>8,819,960,965</b>	<b>(3,833,735)</b>	<b>(1,627,094)</b>	<b>(1,063,111,008)</b>	<b>(1,397,686,872)</b>	<b>6,353,702,256</b>
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>						
Tài sản của bộ phận	1,294,929,283,594	30,039,074,176	2,252,412,906	21,231,055,139	(540,700,362,865)	807,751,462,950
Tài sản thuế hoãn lại	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1,294,929,283,594</b>	<b>30,039,074,176</b>	<b>2,252,412,906</b>	<b>21,231,055,139</b>	<b>(540,700,362,865)</b>	<b>807,751,462,950</b>
Nợ phải trả của bộ phận	<b>411,928,286,975</b>	<b>13,149,000</b>	<b>4,040,000</b>	<b>2,044,666,147</b>	<b>(214,003,442,531)</b>	<b>199,986,699,591</b>
Mua sắm tài sản cố định	25,649,650,639	-	-	-	-	25,649,650,639
Chi phí khấu hao	2,551,992,412	-	-	-	-	2,551,992,412



#### 4. Thông tin về các bên liên quan

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Bà Nguyễn Thị Mai	Nhà đầu tư	Phải trả khác	(2,887,753,081)
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	Phải trả khác	(400,000,000)

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Ban Giám đốc Công ty		Thu nhập	(686,382,979)

#### 5. Quản lý rủi ro tài chính

##### 5.1 Rủi ro thị trường

###### a. Rủi ro giá

Nhóm Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

###### b. Rủi ro tiền tệ

Trong năm tài chính này, Nhóm Công ty không chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam.

###### c. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Ảnh hưởng lãi(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (1.917.069.204) đồng.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

## 5.2 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Nhóm Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Nhóm Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Nhóm Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Nhóm Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Nhóm Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 31/12/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Cộng
- Các khoản vay và nợ thuê tài chính	35,828,455,938	60,025,004,284	95,853,460,222
- Phải trả người bán	16,470,434,960	-	16,470,434,960
- Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	68,781,486,976	-	68,781,486,976
<b>Cộng</b>	<b>121,080,377,874</b>	<b>60,025,004,284</b>	<b>181,105,382,158</b>

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là cao. Nhóm Công ty tin tưởng có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

### Tài sản đảm bảo

Nhóm Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình cho các khoản vay của Công ty tại ngân hàng (thuyết minh tại mục số 9 và 18 - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

### Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là giá trị của chúng.

## 3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Nhóm Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

### Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Nhóm Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Nhóm Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Nhóm Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Nhóm Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

### Số dư ngân hàng

Nhóm Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Nhóm Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

### Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Nhóm Công ty. Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác của Nhóm Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 408.443.684.612 đồng Việt Nam.

### Tài sản tài chính quá hạn và / hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

<b>Giá trị ghi sổ</b>	31/12/2016
Tổng gộp	5,558,567,000
Trừ dự phòng giảm giá trị	<u>(4,471,341,000)</u>
<b>Giá trị thuần của khoản phải thu này</b>	<u>1,087,226,000</u>

đã ký

đã ký

đã ký và đóng dấu

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Hương**  
Người lập biểu

\_\_\_\_\_  
**Lê Văn Thật**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Văn Hoàng**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo thường niên 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu./.

**Bình Thuận, ngày 20 tháng 04 năm 2017**  
**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Hoàng**

### **TRỤ SỞ CHÍNH:**

+ Địa chỉ : Khu phố 11, phường Bình Tân, Thị Xã Lagi, tỉnh Bình Thuận

+ ĐT : (+84) 62 3870 935 – Fax: (+84) 62 3871 935

### **CHI NHÁNH TẠI TP.HCM:**

+ Địa chỉ : Số 50, đường số 2, khu phố Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM

+ ĐT : (+84) 85 4106 979 – Fax (+84) 85 4106 980

+ Email : [info@bidico.com.vn](mailto:info@bidico.com.vn)